

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Hồng Quân

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI HOÀNG MINH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Hồng Quân

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Hồng Quân

Mã SV: 1413401011

Lớp: QTL801K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.
 - Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh, sử dụng số liệu năm 2015.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.
 - Địa chỉ: Số 27 An Thái, Khu 2, Phường Bình Hàn, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đỗ Hồng Quân

Th.S Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

+ Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.

+ Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.

+ Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Đỗ Hồng Quân** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2015). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.1. Doanh thu và phân loại doanh thu.....	3
1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.....	3
1.1.3. Chi phí và phân loại chi phí.....	4
1.1.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	5
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	5
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	5
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	5
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	13
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	17
1.2.4. Kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính.....	19
1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	19
1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	21
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.	23
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.	23
1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.	25
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	27
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	30
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯỜNG MẠI HOÀNG MINH.	33
2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.	33
2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.	34

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.....	34
2.1.3. Công tác kế toán tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh. ...	36
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.	36
2.1.3.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.	37
2.1.3.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.	37
2.1.3.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.	40
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.....	40
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.	40
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng tại công ty.	40
2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.....	41
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.	50
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	55
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI HOÀNG MINH.....	78
3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.....	78
3.1.1. Ưu điểm.....	78
3.1.2. Hạn chế.....	80
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh..	83
3.2.1.Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	83
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	84
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.	84
KẾT LUẬN	96

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại và phát triển lâu dài thì các doanh nghiệp cần phải chủ động sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác quản lý, nắm bắt một cách nhanh chóng và chuẩn xác các thông tin, đặc biệt là các thông tin kinh tế. Những thông tin này chỉ có kế toán thu thập, tổng hợp và cung cấp được. Thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp ta có thể biết được tình hình tài chính của công ty. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác. Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí cho quá trình kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong kỳ. Những thông tin từ đây giúp cho nhà quản lý đưa ra đối sách phù hợp. Vì vậy, để kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp ý, khoa học và thường xuyên.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh, em đã cố gắng tìm hiểu thực tế để nâng cao kiến thức, học hỏi kinh nghiệm thực tế về công tác kế toán. Qua đó em nhận thức đầy đủ, cụ thể hơn về công tác kế toán còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh làm cho việc theo dõi chính xác kết quả của hoạt động kinh doanh còn gặp phải một số khó khăn. Vấn đề đặt ra với công ty lúc này là làm thế nào để theo dõi một cách chính xác nhất doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nhằm giúp cho nhà quản trị có những đánh giá khách quan về hoạt động kinh doanh của công ty. Để giải quyết được vấn đề này công ty cần xây dựng cho mình quy trình hạch toán hiệu quả, phù hợp với doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo phù hợp với chuẩn mực kế toán Nhà nước. Vì vậy việc tìm ra giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị là điều cần thiết.

Xuất phát từ thực tế đó em đã chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh***” làm đề tài khóa luận. Thông qua đây, em hy vọng sẽ giúp công ty hoàn thiện hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời sẽ rút ra được những vướng mắc, hạn chế mà công ty gặp phải, từ đó nêu lên cách giải quyết.

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương:

Chương I : Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

Chương III : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình, chu đáo của giáo viên hướng dẫn – *Th.S Nguyễn Văn Thụ*, cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã cố gắng rất nhiều, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như nhận thức và trình độ nên chắc chắn bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của thầy cô để có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình để phục vụ cho công tác kế toán sau này.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1. Doanh thu và phân loại doanh thu.

❖ Doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kì kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài(Nếu có).

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kì hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu bán hàng thuần mà doanh nghiệp thu được(doanh thu thuần) có thể thấp hơn doanh thu bán hàng. Doanh thu thuần là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu. Bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết của doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng hóa.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp bên bán giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng.

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm hàng hóa mà doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

- Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế được đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã...

+ Thuế xuất khẩu: Là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: Là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.3. Chi phí và phân loại chi phí.

Chi phí nói chung là sự hao chi phí thể hiện bằng toàn bộ các khoản hao phí trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp với mong muốn mang về một sản phẩm, dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định.

❖ **Phân loại chi phí:** Chi phí của doanh nghiệp gồm:

▪ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

▪ **Chi phí quản lý kinh doanh:** Gồm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp như: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thuế, phí và lệ phí, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- *Chi phí hoạt động tài chính*: Phản ánh các hoạt động chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

- *Chi phí khác*: Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như : bị phạt do vi phạm hợp đồng

1.1.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh: Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

- *Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ*: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

- *Kết quả hoạt động khác*: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách hàng mang lại. Các hàng hóa đem biếu tặng, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao đổi hàng hóa, làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn quyền nắm giữ quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

❖ **Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng không chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận về gia công.

- Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

❖ **Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

• **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan.

• **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Có 4 tài khoản cấp 2:

- TK5111: Doanh thu bán hàng hóa.

- TK5112: Doanh thu bán các sản phẩm.
- TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK5118: Doanh thu khác.

- **Kết cấu của TK511:**

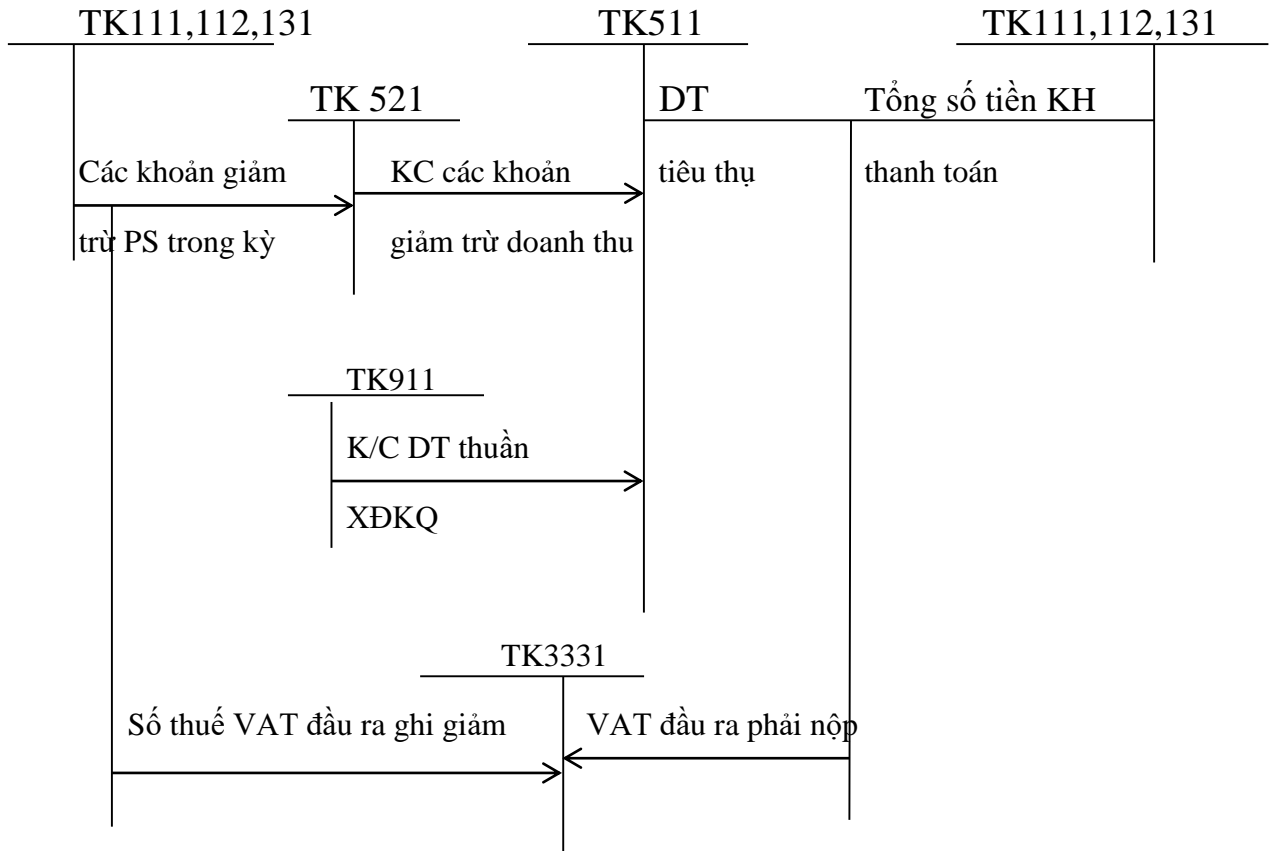
Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng và được xác định đã bán trong kỳ kế toán.
 - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.
 - Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
 - Các khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
 - Các khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
 - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

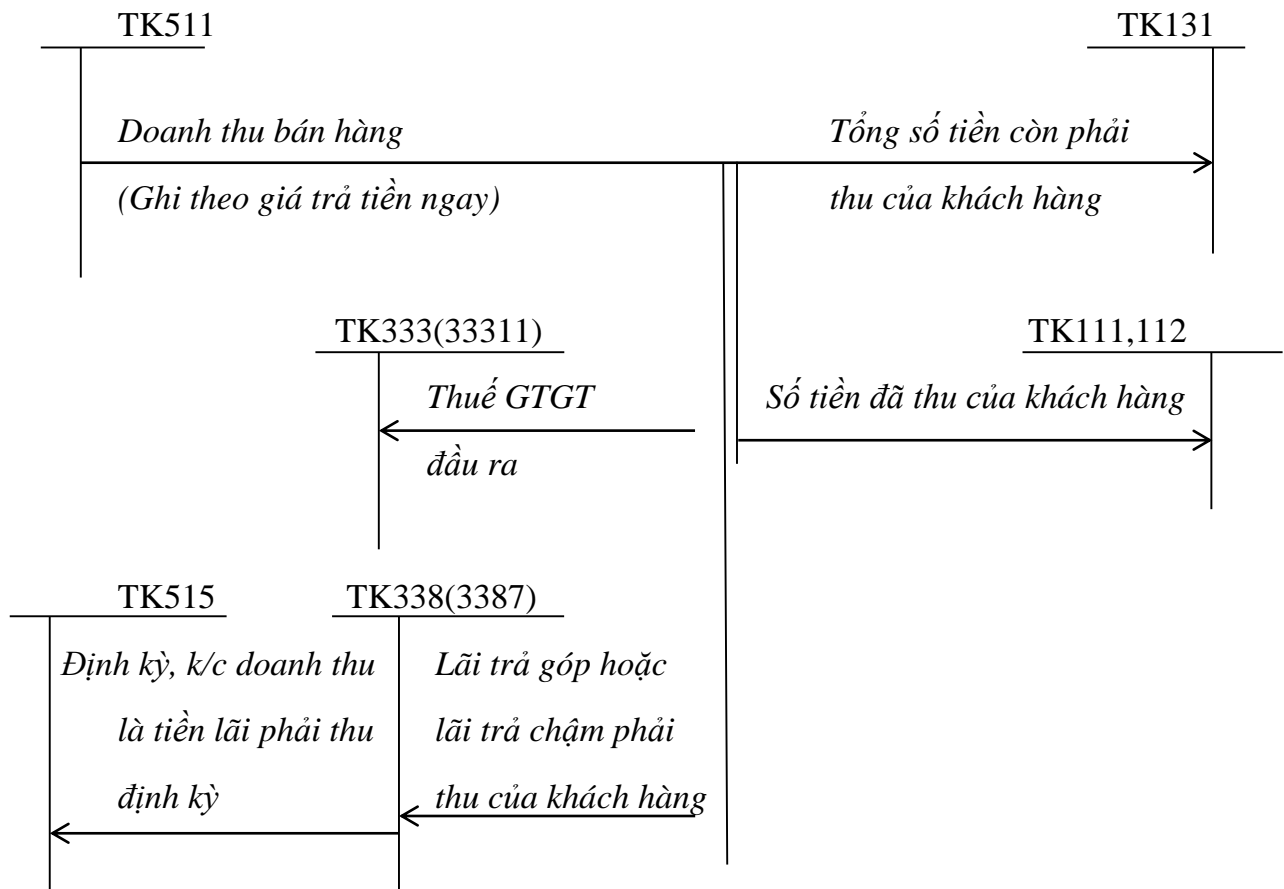
Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

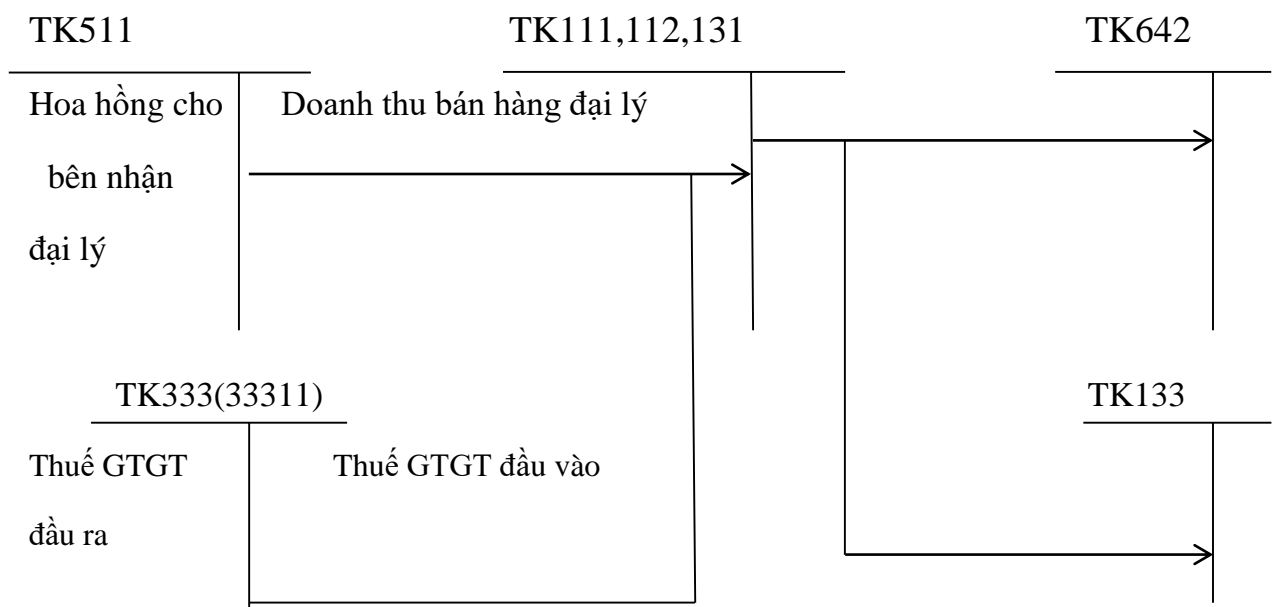
Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp.



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý.



1.2.1.2. *Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.*

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản dùng để phản ánh chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc cam kết mua bán hàng.

- **Hàng bán bị trả lại:** là khoản dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn).

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số hàng hóa, dịch vụ đã tiêu dùng của khách hàng mang trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy cách...) được doanh nghiệp chấp nhận.

Trị giá hàng thuần của hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ kế toán.

- **Giảm giá hàng bán:** là khoản dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán hàng chấp nhận trên thỏa thuận.

- **Các khoản thuế làm giảm doanh thu:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã..

*Cách tính: Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB * Thuế suất*

- Thuế xuất khẩu: Là một sắc thuế đánh vào những hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với người nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hay bán vào các khu chế xuất.

*Cách tính: Thuế xuất khẩu = Trị giá tính thuế * Thuế suất thuế xuất khẩu.*

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Cách tính:

Số thuế GTGT phải nộp = Giá trị của hàng hóa, dịch vụ * Thuế suất thuế GTGT(%)

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...
- Các chứng từ liên quan như: phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Các khoản giảm trừ doanh thu sử dụng tài khoản 521 cụ thể là các tài khoản:

- TK 5211: Chiết khấu thương mại.
 - TK 5212: Hàng bán bị trả lại.
 - TK 5213: Giảm giá hàng bán
- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.*

❖ **Kết cấu TK 521.**

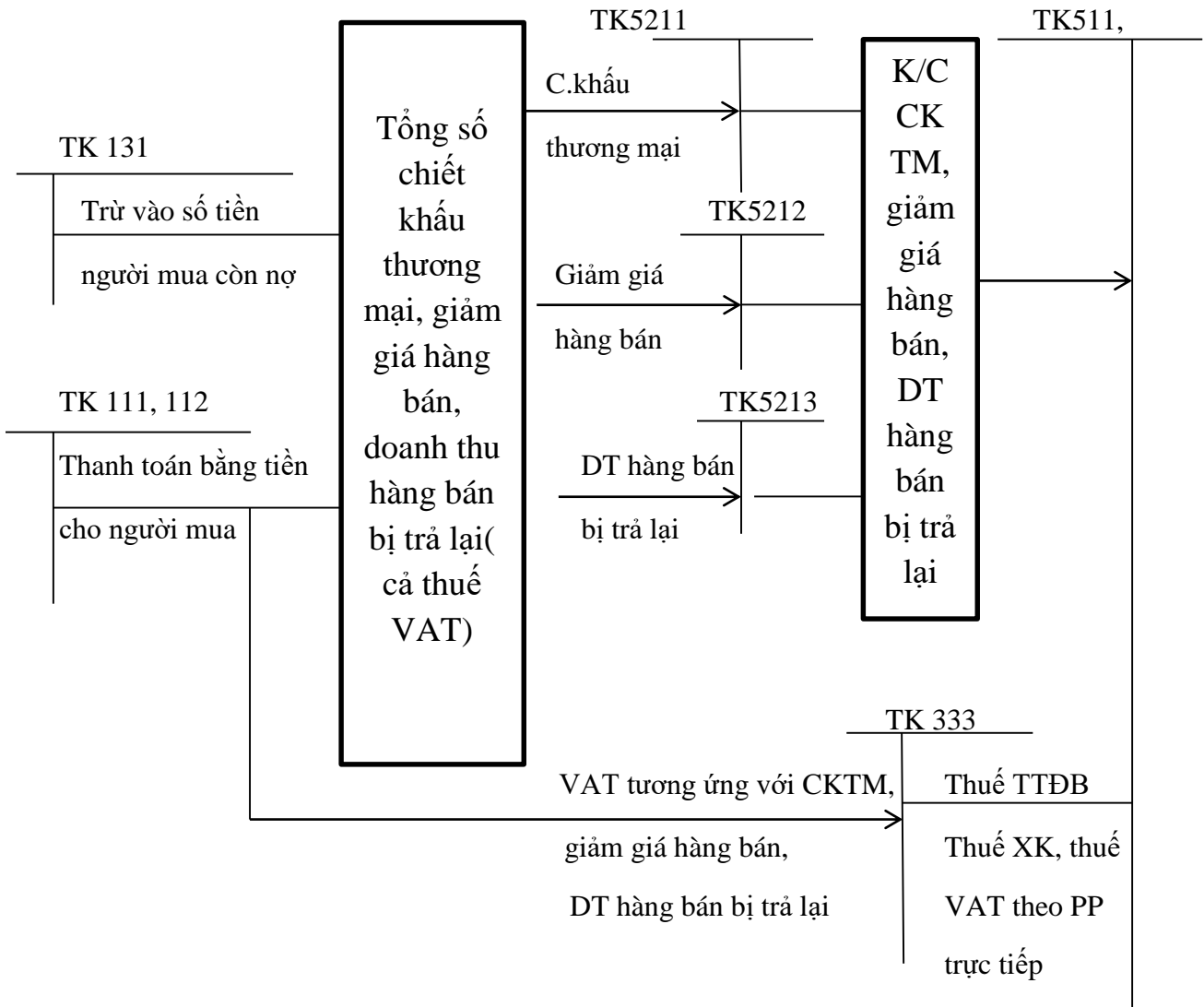
Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Số giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

Bên có:

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511(Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ) để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Để đưa ra được giá bán hợp lý doanh nghiệp phải xác định giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác nhận hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong thực tế cả giá cả mua vào luôn biến động do đơn giá hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định giá trị hàng hóa xuất kho trên cơ sở đơn giá nhập tương ứng. Hiện nay, có nhiều cách tính giá vốn hàng hóa khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp cho phù hợp. Có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

- **Phương pháp giá bình quân:**

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng xuất kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị của từng loại hàng tồn kho được mua hay sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc tính mỗi khi nhập hàng hóa, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp. Ta có công thức:

Trị giá thực tế hàng xuất kho = số lượng hàng xuất kho x đơn giá bình quân

Đơn giá bình quân có thể tính bằng 2 phương pháp như sau:

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Cách tính đơn giá như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế của HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.(Bình quân liên hoàn)

Nếu đơn giá bình quân được tính cho từng lần nhập(nghĩa là sau mỗi lần nhập kế toán phải tính toán lại giá đơn vị bình quân 1 lần) được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn: Cách tính đơn giá như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn sau lần nhập thứ } i}$$

- **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).**

Phương pháp này được xác định dựa trên giả định là hàng được mua vào thì được xuất trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là hàng nhập lần đầu tiên trong kỳ, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự chúng được mua vào nhập kho.

- **Phương pháp đơn giá bán lẻ,**

Phương pháp này để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỉ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó khi bị hạ giá xuống thấp hơn giá ban đầu của nó.

- **Phương pháp thực tế đích danh:**

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó tính giá vốn hàng xuất kho.

- **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001), hợp đồng kinh tế.
- + Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT), phiếu chi.
- + Các chứng từ có liên quan....

- **Tài khoản sử dụng: Tk 632- Giá vốn hàng bán.**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

Kết cấu nội dung TK 632:**Bên nợ:**

- + Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.
- + Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên có:

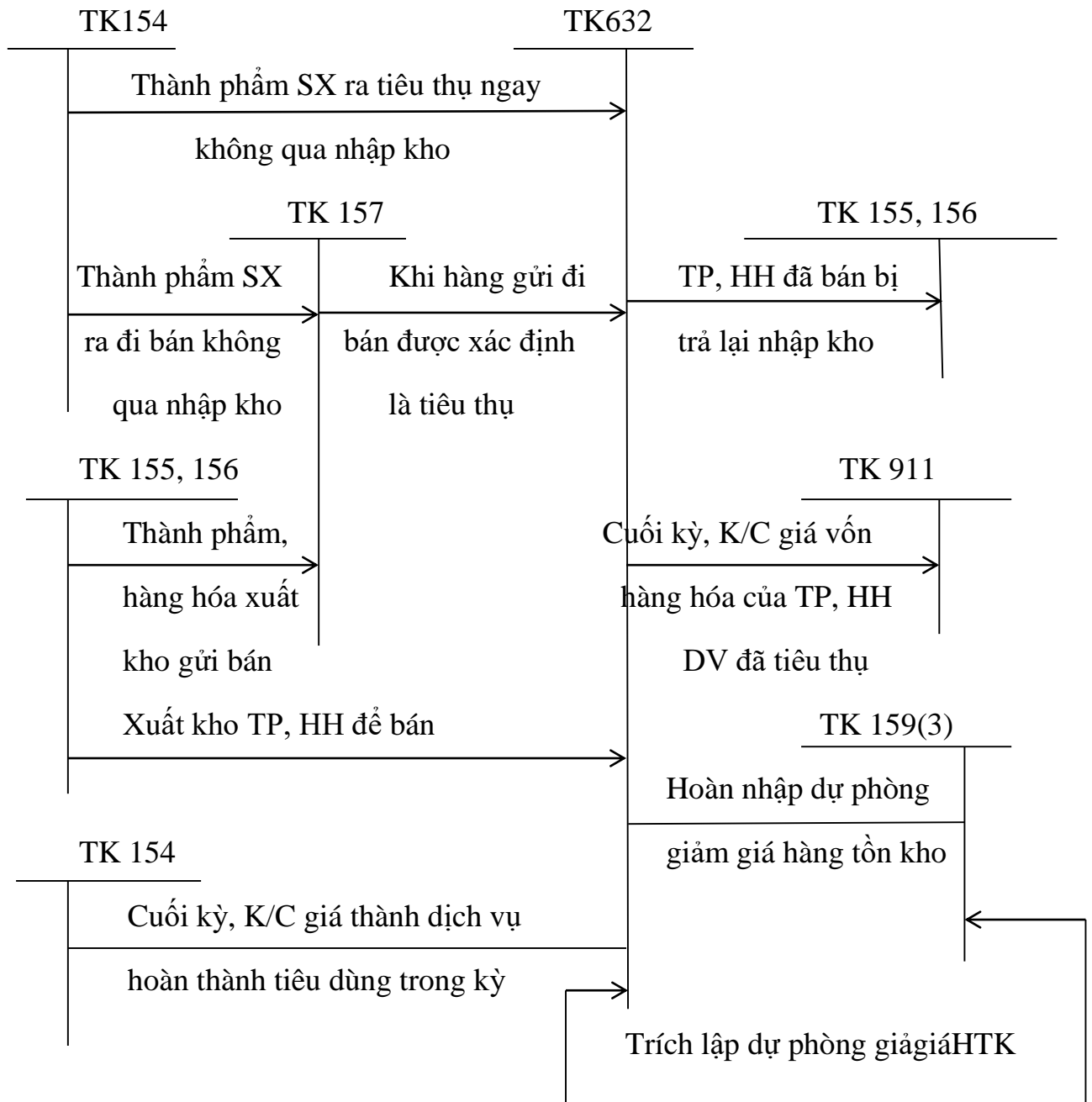
- + Hoàn lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- + Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã bán sang bên nợ TK 911.

TK 632 không có số dư đầu kỳ.

Kế toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Theo phương pháp này trị giá vốn của hàng tồn kho được theo dõi thường xuyên liên tục trên TK632.

Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên.

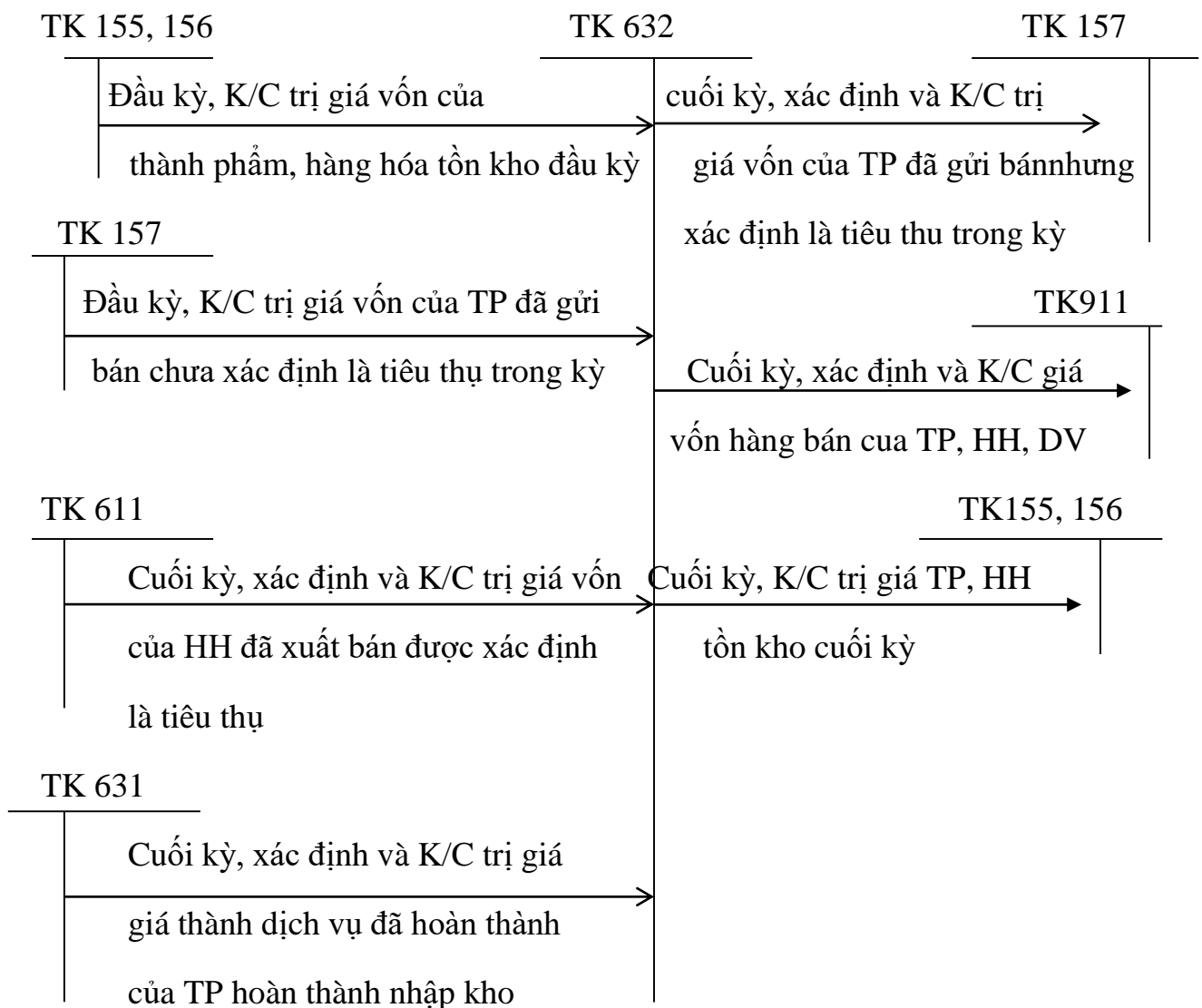


- **Kế toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ:** Phương pháp kiểm kê định kỳ phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho, căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

$$\begin{matrix} \text{Số lượng} \\ \text{hàng xuất} \\ \text{kho} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Số lượng hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Số lượng hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Số lượng hàng} \\ \text{tồn cuối kỳ} \end{matrix}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn hàng thực tế của hàng xuất kho.

Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh là tất cả các khoản chi phí trực tiếp phát sinh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp liên quan tới hoạt động quản lý doanh nghiệp và hoạt động bán hàng. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm một số khoản sau: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp và nhân viên bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn của nhân viên, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và bán hàng, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, vệ sinh...)...

- **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Bảng tính và phân bổ khấu hao.
- Hóa đơn GTGT.
- Chứng từ liên quan.

- **Tài khoản sử dụng:** TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh. TK 642 có 2 TK cấp 2:

- + Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng.
- + Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Sổ sách kế toán sử dụng:**

- + Sổ chi tiết TK 642.
- + Sổ nhật ký chung.
- + Sổ cái tài khoản 642.

- **Kết cấu tài khoản 642:**

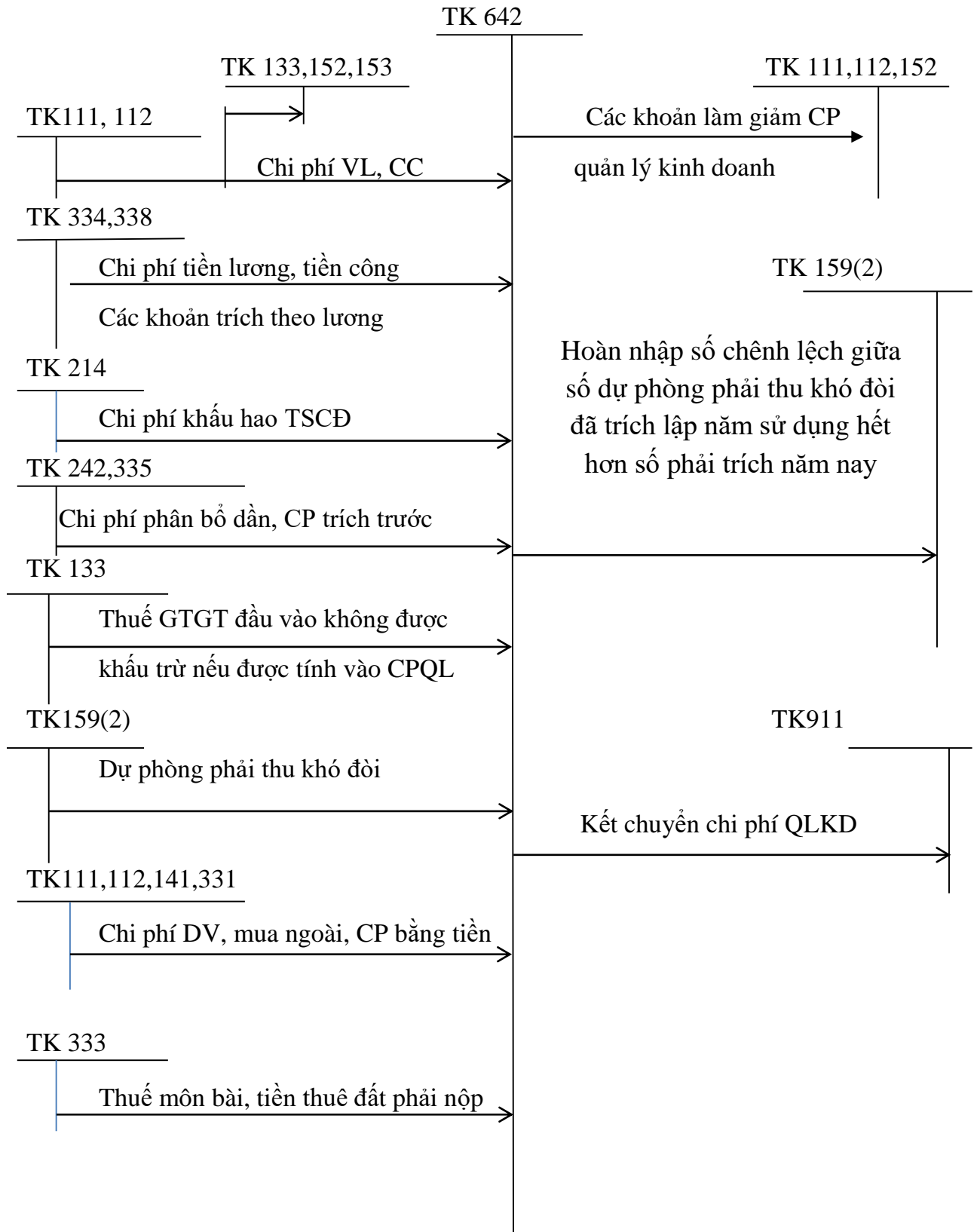
Bên nợ:

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng như: Tiền lương, các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp...
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng phải lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

- Các khoản làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng trong kỳ.
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911.

Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.



1.2.4. Kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính.

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số khoản như sau: Lãi cho vay, tiền lãi gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp... Cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo của ngân hàng.
- Phiếu kế toán.
- Phiếu thu và các chứng từ liên quan khác.

- **Tài khoản sử dụng:**

TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Bên nợ:

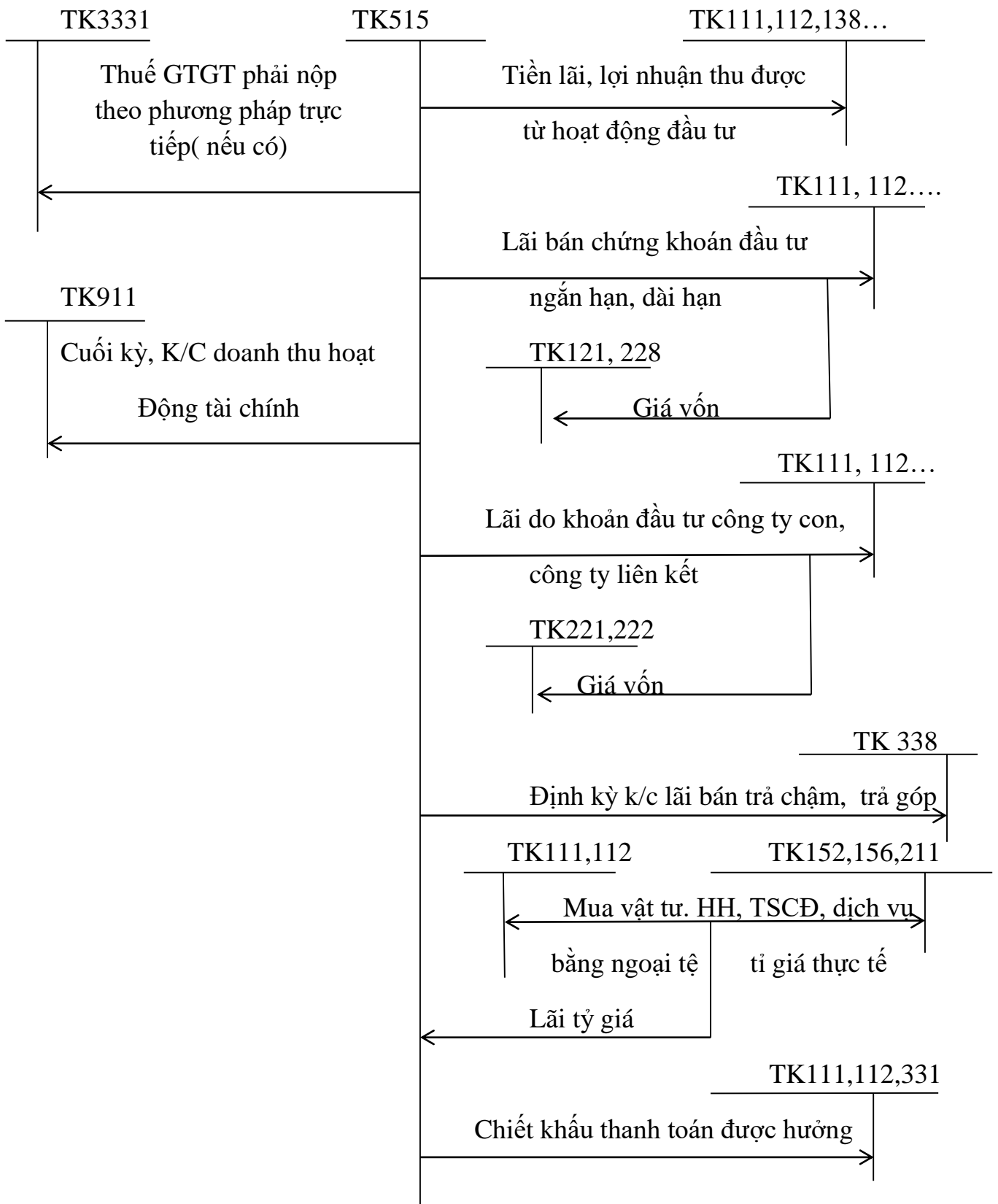
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

Bên có:

- Tiền lãi và lợi nhuận được chia.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.8: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.



1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng, lỗ từ nhượng bán chứng khoán, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lỗ từ tỷ giá hối đoái.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu kế toán.
- Phiếu chi và các chứng từ liên quan.

- **Tài khoản sử dụng:**

TK 635: Chi phí tài chính.

Bên nợ:

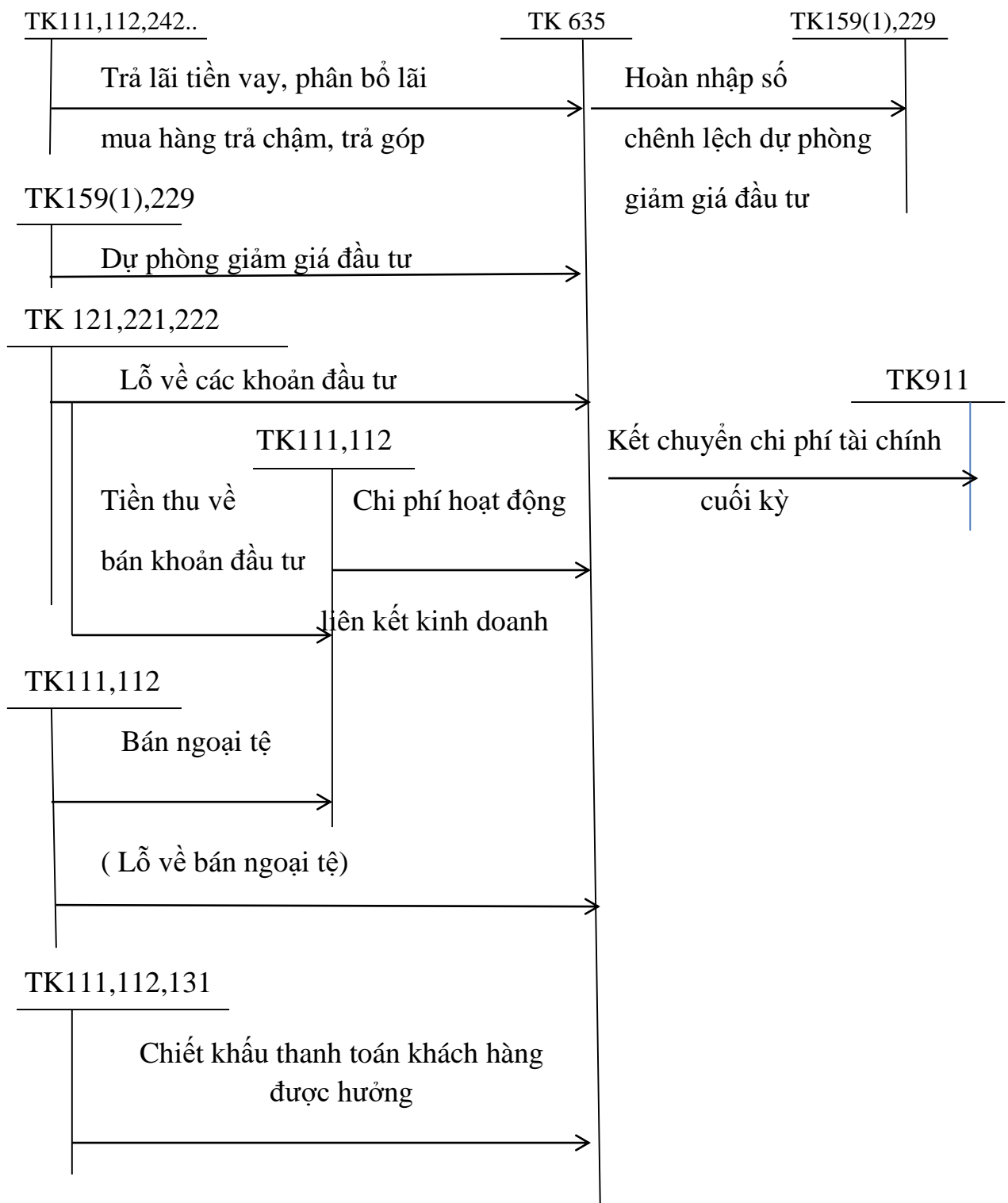
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(Lỗ tỷ giá- giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập từ năm trước chưa sử dụng hết).
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.9: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.



1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.**1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.**

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số hoạt động: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được, các khoản thuế ngân sách nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...

***Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, phiếu kế toán...
- Các chứng từ liên quan khác nhau như: Biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế,...

Tài khoản sử dụng: TK711- Thu nhập khác.*Bên nợ:**

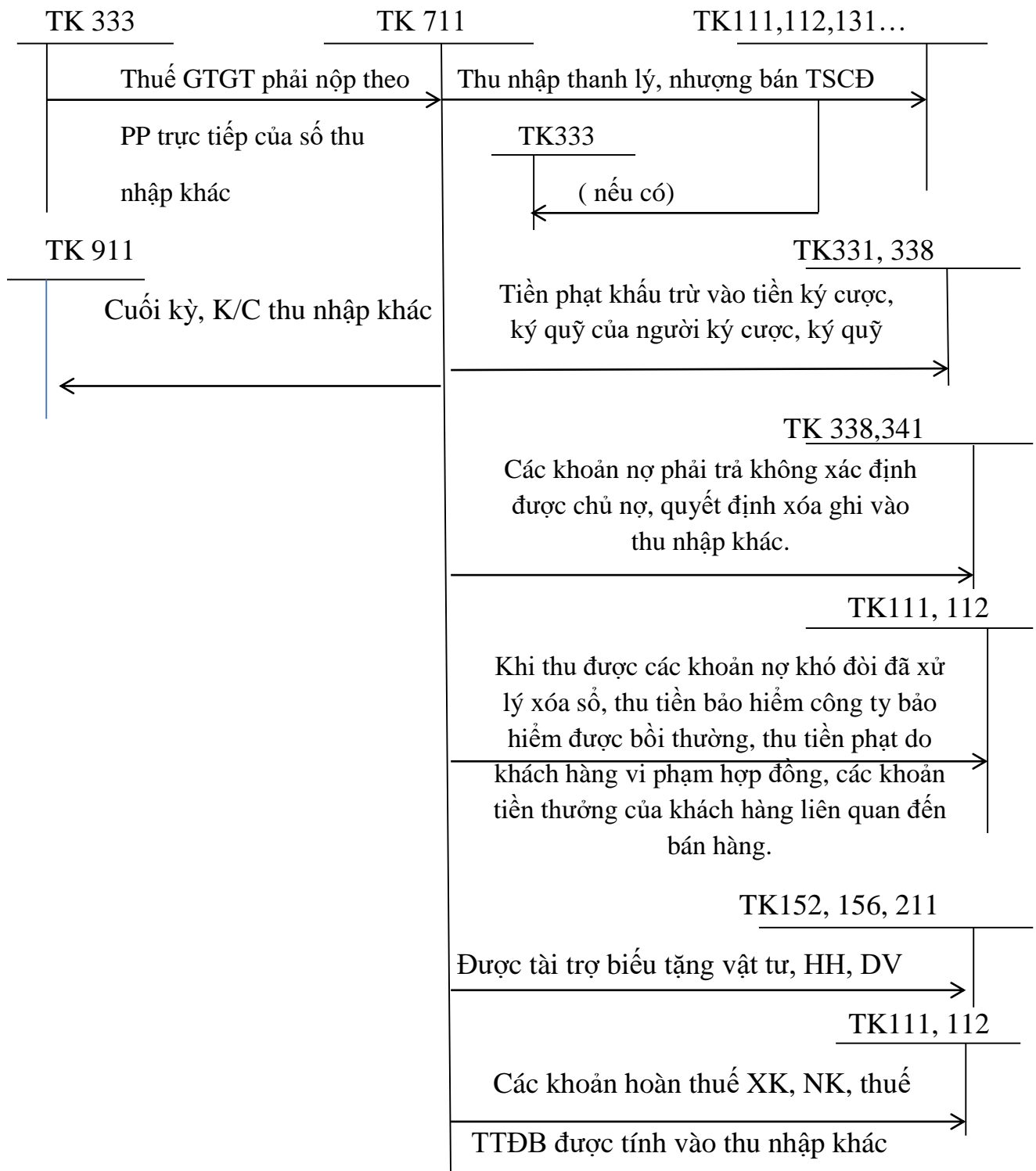
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK911.

Bên có:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.10: Hạch toán thu nhập khác.



1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.

- *Chi phí hoạt động khác*: Là các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do sự kiện và các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

- *Chi phí hoạt động khác bao gồm các khoản chi sau*: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

***Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các chứng từ khác liên quan.

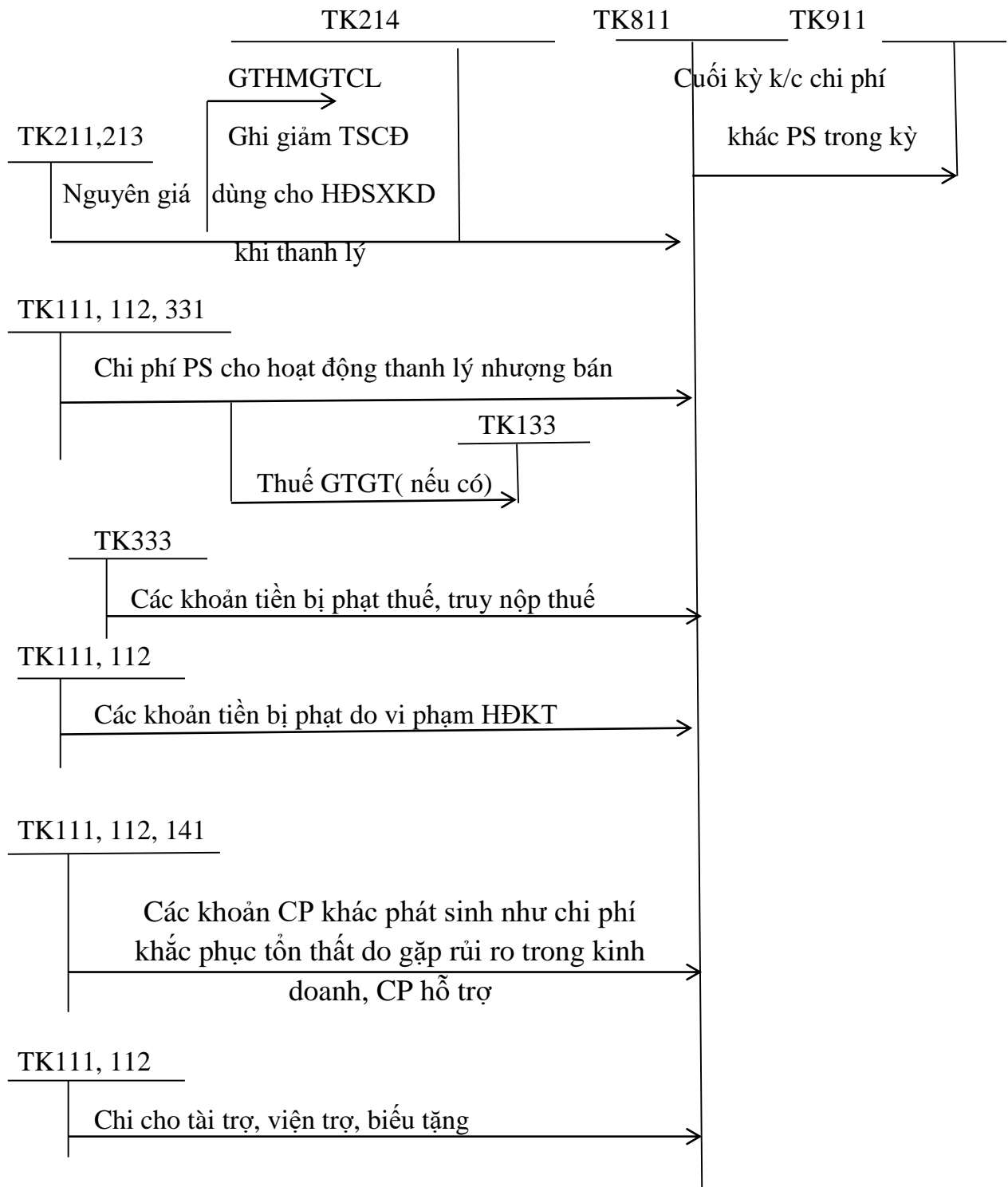
Tài khoản sử dụng: 811- Chi phí khác.*Bên nợ:**

- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

Bên có:

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911.
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.11: Hạch toán chi phí khác.



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

- Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do các hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi, lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

***Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:**

+ Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ:

$$\text{Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

Trong đó:

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

+ Kết quả hoạt động tài chính:

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

+ Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Kết quả hoạt động kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

***Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kê toán.

***Tài khoản sử dụng:**

Để phản ánh các nghiệp vụ kê toán phát sinh liên quan đến XĐKQKD kế toán sử dụng TK 911.

TK 911 có kết cấu như sau:

Bên nợ:

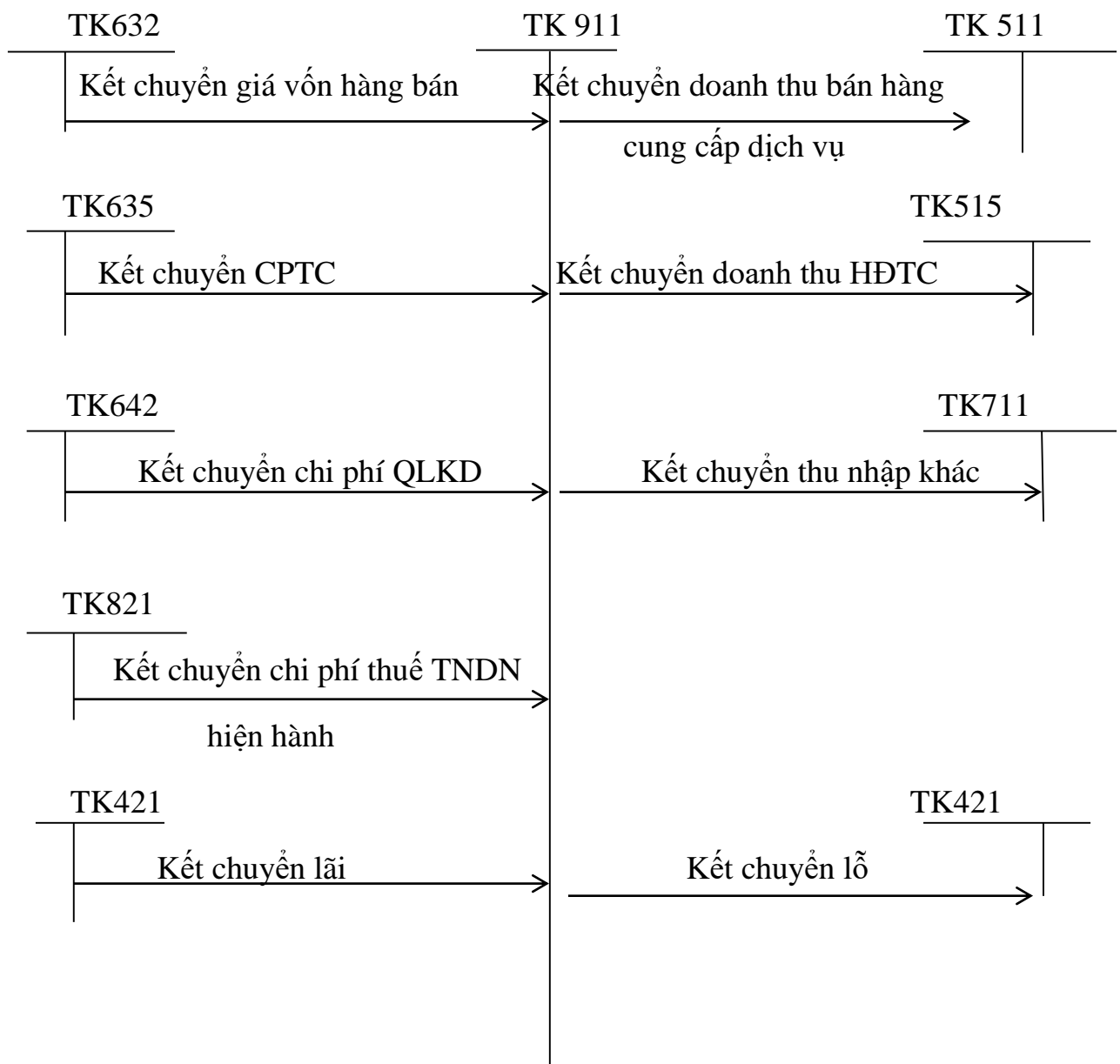
- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa và dịch vụ đã bán.
- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết chuyển kết chuyển lãi sau thuế.

Bên có:

- Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã bán ra trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản giảm chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lỗ về các hoạt động trong kỳ(nếu có)

Tài khoản 911 không có số dư.

Sơ đồ 1.12: Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.



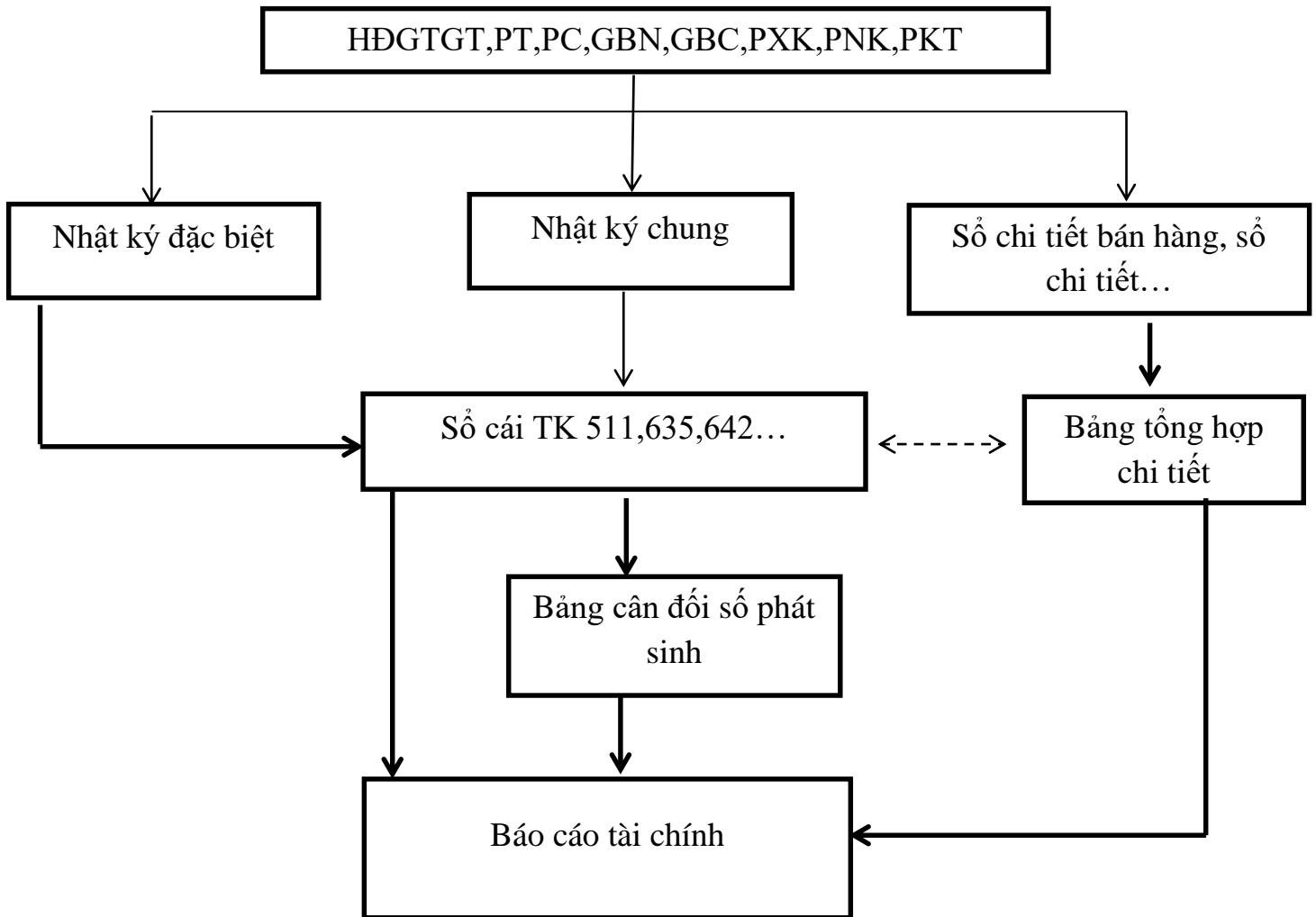
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình. Doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể áp dụng một trong 4 hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức sổ Nhật ký chung.
- Hình thức chứng từ ghi sổ.
- Hình thức Nhật ký – sổ cái.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Dưới đây bài viết đi vào minh họa chi tiết trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng: —————→
 Đối chiếu <----->

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ theo số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào các Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ(3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi loại trừ các số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt(nếu có).
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh.
- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo Tài chính.
- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI HOÀNG MINH.

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh là doanh nghiệp tư nhân, được tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, được phép mở tài khoản tại ngân hàng, có quyền quyết định các vấn đề trong quá trình kinh doanh của công ty theo khuôn khổ Việt Nam.

Tên công ty: Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

Địa chỉ: Số 27 An Thái, Lô 2, phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

Mã số thuế: 0800379690

Số điện thoại: 0320 3856 361

Số Fax: (84) 04 22.250740

Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh Công ty được thành lập vào 18/05/2007 theo Giấy phép Kinh doanh số 0800379690 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hải Dương phê chuẩn.

- Công ty có điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
- Công ty chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.
- Công ty có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

Trong những năm qua sự hình và phát triển của công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh đã và đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về uy tín cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như khai thác tối đa tiềm năng sẵn có của công ty mình.

Với tình hình hoạt động kinh doanh có sự tăng trưởng khá, công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh đang dần chứng tỏ sự vững mạnh trên con đường hội nhập và phát triển.

2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.

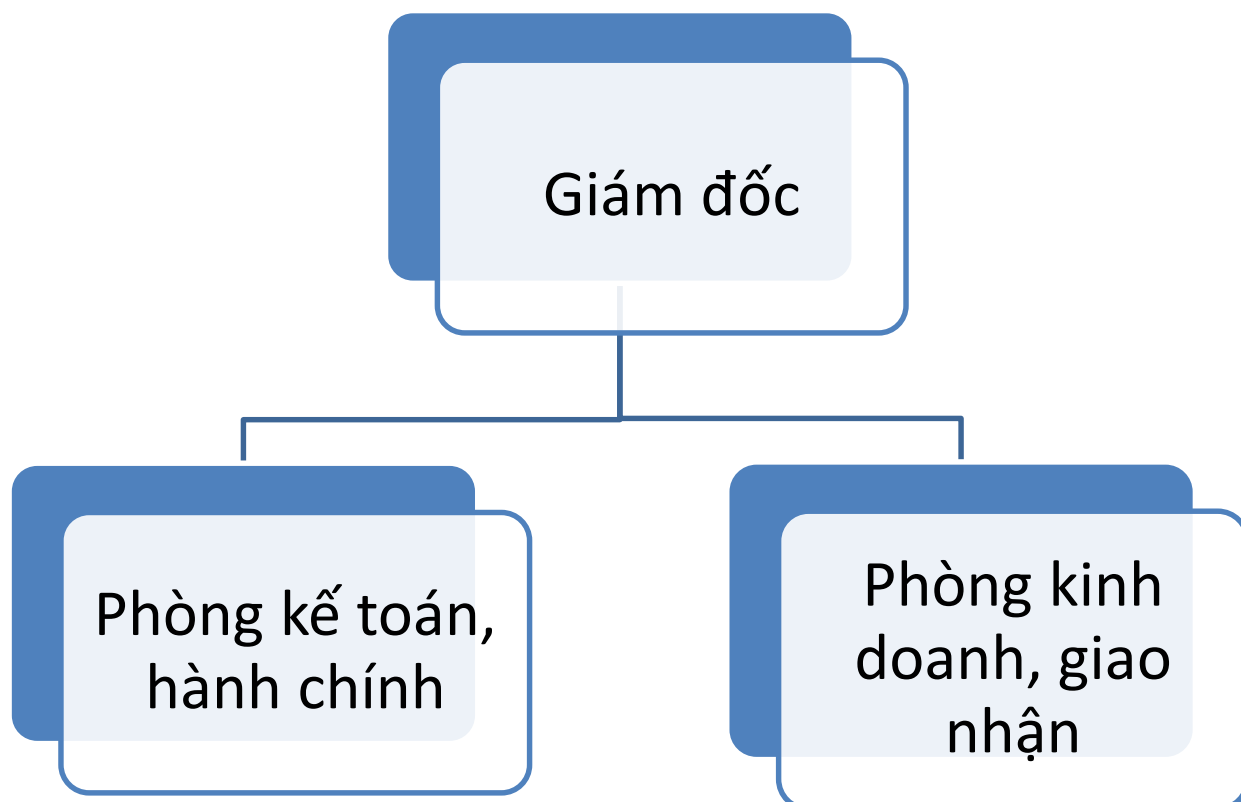
- Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh là đơn vị kinh doanh các mặt hàng cơ khí xây dựng. Ngành nghề chính của công ty là:
 - Kinh doanh cơ khí như: các thiết bị máy móc chế tạo cơ khí, công cụ cầm tay...
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng như: Gỗ xẻ nan, sắt hình(U,I,V)...
 - Dịch vụ sửa chữa bảo trì như: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị cơ khí cầm tay và máy móc lớn...
 - Dịch vụ khác như: Chế tạo kết cấu thép, cung cấp thiết bị điện, hệ thống đường ống...
- Một vài công trình mà công ty cung cấp vật liệu:
 - Cung cấp thiết bị cơ khí chính xác, cập nhật và cải tiến máy móc thiết bị cho khu công nghiệp Panasonic Việt Nam.
 - Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí cho tổng công ty cổ phần VINA BINGO.
 - Cung cấp thiết bị chịu lực và dầu bôi trơn cho công ty TNHH VOSCO.
 - Mua sắm thép xây dựng và thép phế liệu của dự án cầu Nhật Tân- IHI Infrastructure Asia Co., Ltd.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Để đảm bảo khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh thì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý trực tiếp với sự lãnh đạo từ trên xuống dưới, từ giám đốc đến các phòng ban để thực hiện việc điều hành quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Bộ máy quản lý điều hành sản xuất kinh doanh gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng và trình độ kỹ thuật nghiệp vụ, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh là chính.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

***Ban giám đốc:**

- **Giám đốc công ty:** Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty. Điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch đề ra. Chịu trách nhiệm trước Nhà nước và công nhân viên chức về quản lý về toàn bộ tài sản, lao động vật tư, tiền vốn, đảm bảo an ninh trật tự an toàn lao động cho toàn công ty, làm tốt công tác đối nội đối ngoại, không ngừng chăm lo đến đời sống của người lao động.

- **Phòng kế toán, hành chính:** Quản lý công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán nhằm phục vụ và đánh giá đúng, trung thực nhất về tài chính của công ty, nhằm đánh giá, tham mưu trong vấn đề quản lý, kinh doanh cho Ban giám đốc.

Tổ chức ghi chép ban đầu, lập, kiểm soát và quản lý các chứng từ kế toán theo đúng quy định của pháp luật.

Lập và quản lý các sổ sách kế toán theo quy định của chế độ Tài chính- Kế toán hiện hành.

Lập, trình ký, chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính- Kế toán hiện hành.

Quản lý, sử dụng, bảo mật chương trình phần mềm kế toán.

Tổ chức, thực hiện những nhiệm vụ đáp ứng mọi yêu cầu của công tác kế toán quản trị của doanh nghiệp.

Tham mưu cho giám đốc trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính, đề xuất lên giám đốc các phương án tổ chức kế toán, đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính, những thông tin cần thiết để kịp thời điều chỉnh quá trình hoạt động kinh doanh trong công ty.

- Phòng kinh doanh, giao nhận:

Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu phương án kinh doanh, bàn giao tài liệu... đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch thu nợ và khai thác khách hàng

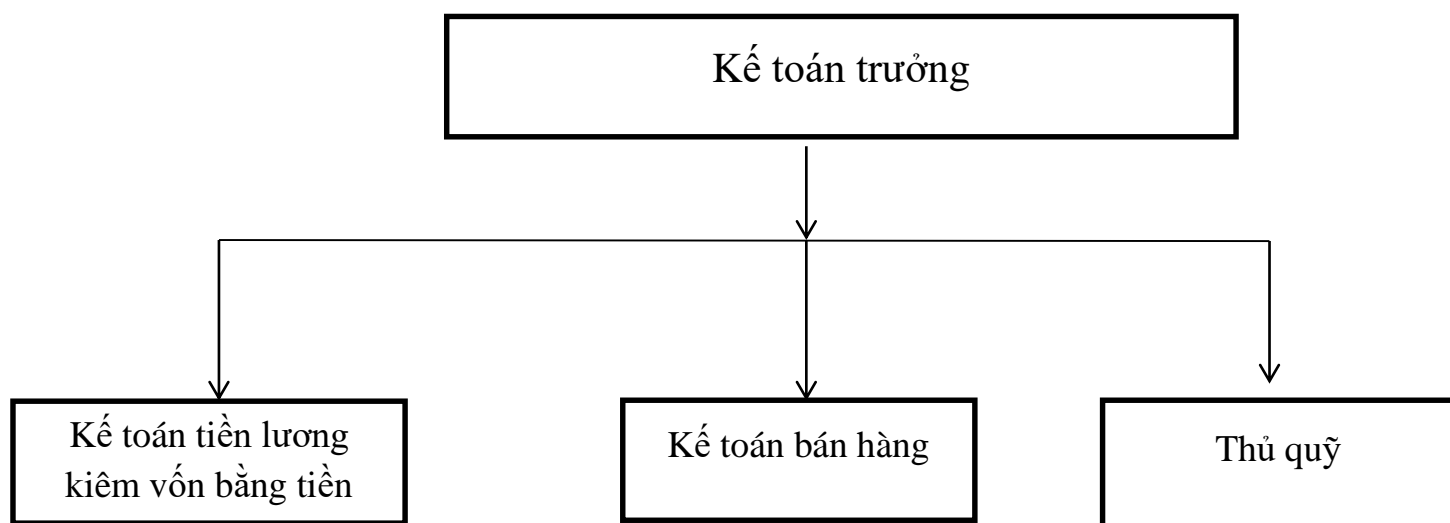
Chuyên vận chuyển, giao và nhận hàng hóa từ công ty đến khách hàng và từ đối tác của công ty về công ty. Đảm bảo về số lượng, chất lượng, thời gian giao hàng của hàng hóa.

2.1.3. Công tác kế toán tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán.



+ **Kế toán trưởng**: Là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán, giao dịch hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên trong phòng, là kế toán tổng hợp, chịu trách nhiệm trước giám đốc, cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp.

+ **Kế toán bán hàng**: Theo dõi chi tiết xuất nhập và tồn kho hàng hoá, cuối tháng cần có chứng từ gốc để lập báo cáo tổng hợp nhập xuất, tồn kho hàng hoá. Theo dõi doanh thu, giá vốn và xác định kết quả kinh doanh.

+ **Kế toán vốn bằng tiền và kế toán tiền lương**: Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao tài sản cố định, thanh toán số lương phải trả cho từng người.

+ **Thủ quỹ**: Theo dõi tình hình thu chi và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ. Thủ quỹ hàng ngày còn phải lập báo cáo thu chi tồn quỹ.

2.1.3.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/01 cùng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam, đơn vị tính: đồng
- Phương pháp khấu hao: Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

2.1.3.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

- Là một đơn vị kinh doanh với quy mô vừa và nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán:” Nhật ký chung”.

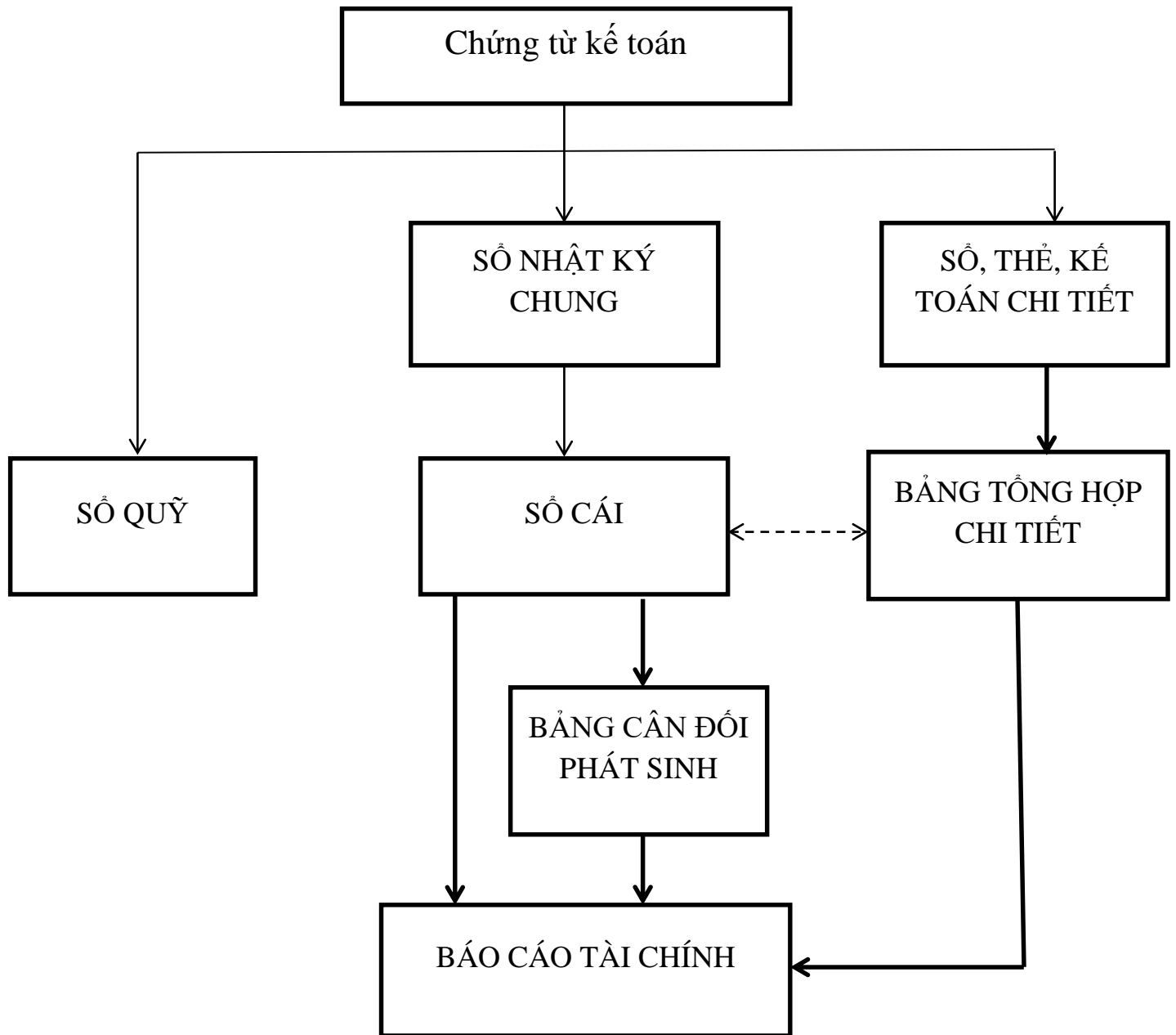
- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của

ng nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK131, 112...
- Sổ cái các TK 511, 515, 111, 112, 131, 632, 911.....
- Bảng tổng hợp chi tiết TK131,156.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: <-.-.-.-.->

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, sổ, thẻ kế toán chi tiết, từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi chép các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, căn cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.3.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

❖ Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng cân đối tài khoản.
- Bảng cân đối kế toán- Mẫu B01-DNN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09-DNN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Bảng cân đối số phát sinh..

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng tại công ty.

❖ Đặc điểm sản phẩm dịch vụ:

Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Chuyên cung cấp cho các mặt hàng cơ khí cho các khu công nghiệp.
- Bán buôn và bán lẻ cho nhưng doanh nghiệp cơ khí nhỏ và vừa.
- Nhận sửa chữa những máy móc linh kiện cơ khí.

Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký giữa các bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện:

- Hình thức thanh toán ngay: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty được thu tiền ngay(tiền mặt, tiền gửi ngân hàng..)
- Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua các sổ chi tiết TK131, sổ tổng hợp chi tiết TK131, sổ cái TK131...

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

❖ Chứng từ, tài khoản sử dụng và sổ sách.

Để hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- TK3331: Thuế GTGT đầu ra.
- TK111: Tiền mặt.
- TK112: Tiền gửi ngân hàng.
- TK131: Phải thu của khách hàng.

Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là:

- Hóa đơn GTGT, phiếu thu...

Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng(Hóa đơn GTGT).

✓ Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: Màu tím, lưu lại cuống gốc để tại phòng kế toán.

Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

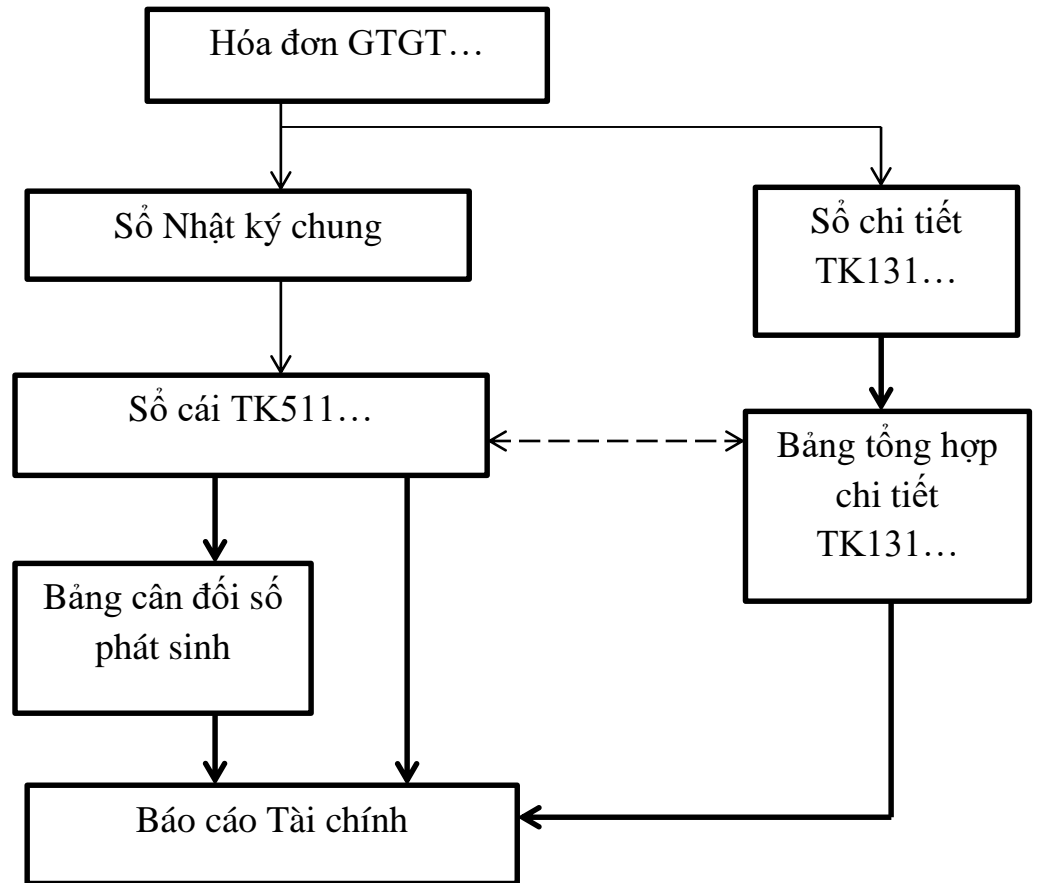
Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

- Giấy báo có của ngân hàng.
- Chứng từ có liên quan(nếu có)
- Sổ chi tiết được sử dụng: Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.

- Các sổ tổng hợp: Sổ cái các tài khoản chi phí, doanh thu, sổ theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng.

Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ công tác kế toán tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra và làm căn cứ ghi sổ, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản 511, 131... Đồng thời căn cứ vào chứng từ gốc kế toán vào sổ chi tiết TK131.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Đồng thời căn cứ vào sổ cái tài khoản có liên quan kế toán lập bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, Sổ Cái các tài khoản liên quan và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1:

Ngày 03/04/2015 Cung cấp gỗ xẻ nan cho công ty TNHH IHI Infratructure ASIA theo HĐ 331. Với số tiền 8.690.000(Đã bao gồm VAT 10%). Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000331 ngày 03/04/2014 về việc cung cấp hàng hóa cho công ty TNHH IHI và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ sách liên quan theo định khoản:

Nợ TK131 : 8.690.000

Có TK511 : 7.900.000

Có TK 3331: 790.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.2) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK131(biểu số 2.5) căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511(biểu số 2.3) và sổ cái TK131(biểu số 2.4) và sổ cái TK333.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng, từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/12P																
Ngày 03 tháng 04 năm 2015			Số: 0000331																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI HOÀNG MINH																			
Mã số thuế: 0800379690																			
Địa chỉ: Số 27 An Thái, Khu 2, Phường Bình Hàn, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương																			
Điện thoại: 0320 3856 361																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH IHI Infrastructure Asia																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	5	5	5	7	3	3				
0	2	0	0	5	5	5	7	3	3										
Địa chỉ: Tầng 9 tòa nhà Hoàng Huy, số 116 Nguyễn Đức Cảnh, P. Cát Dài, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: CK..... Số tài khoản:.....																			
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Gỗ xẻ nan	Thanh	1000	7.900	7.900.000														
Cộng tiền hàng					7.900.000														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		790.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					8.690.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn.</i>																			
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>																			

Biểu số 2.2: Sổ Nhật ký chung năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản Đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
15/03/2015	HD304	15/03/2015	Cung cấp thuốc hàn cho cty IHI	131	511	38.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	131	333	3.800.000
...
18/03/2015	HD306	18/03/2015	Cung cấp sơn kẽm lạnh cho cty IHI	131	511	5.150.000
			Thuế GTGT đầu ra	131	333	515.000
...
03/04/2015	HD331	03/04/2015	Cung cấp gỗ xẻ nan cty IHI	131	511	7.900.000
			Thuế GTGT đầu ra	131	333	790.000
...
29/04/2015	HD342	29/04/2015	Cung cấp đá mài, máy đánh đai thép cho cty IHI	131	511	16.460.000
			Thuế GTGT đầu ra	131	333	1.646.000
29/04/2015	HD343	29/04/2015	Cung cấp kính trắng mũi khoan cho cty IHI	131	511	30.500.000
			Thuế GTGT đầu ra	131	333	3.050.000
...
			Cộng phát sinh năm			156.963.452.350

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3: Sổ cái TK 511

Mẫu số S03b – DNN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên tài khoản: Doan thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
HD304	15/03/2015	Cung cấp thuốc hàn cho cty IHI	131		38.000.000
...
HD306	18/03/2015	Cung cấp sơn kẽm lạnh cho cty IHI	131		5.150.000
...
HD331	03/04/2015	Cung cấp gỗ xẻ nan cty IHI	131		7.900.000
...
HD342	29/04/2015	Cung cấp đá mài, máy đánh đại thép cho cty IHI	131		16.460.000
HD343	29/04/2015	Cung cấp kính trắng mũi khoan cho cty IHI	131		30.500.000
...
		Cộng phát sinh năm		20.081.586.975	20.081.586.975
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.4: Sổ cái TK 131

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		1.754.456.519	
	
HD304	15/03/2015	Cung cấp thuốc hàn cho cty IHI	511	38.000.000	
		Thuế GTGT đầu ra	333	3.800.000	
...
HD306	18/03/2015	Cung cấp sơn kẽm lạnh cho cty IHI	511	5.150.000	
		Thuế GTGT đầu ra	333	515.000	
...
HD331	03/04/2015	Cung cấp gỗ xẻ nan cty IHI	511	7.900.000	
		Thuế GTGT đầu ra	333	790.000	
...
HD342	29/04/2015	Cung cấp đá mài, máy đánh đai thép cho cty IHI	511	16.460.000	
		Thuế GTGT đầu ra	333	1.646.000	
HD343	29/04/2015	Cung cấp kính trắng mũi khoan cho cty IHI	511	30.500.000	
		Thuế GTGT đầu ra	333	3.050.000	
...
		Cộng phát sinh năm		21.446.988.194	21.647.784.196
		Số dư cuối kỳ		1.553.660.194	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết thanh toán với người mua.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S13 – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH IHI Infrastructure ASIA

Năm: 2015

Đơn vị: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu năm				-	
HD258	13/01/2015	Cung cấp đai thép	511	13.650.000		13.650.000	
HD258	13/01/2015	Thuế GTGT đầu ra	333	1.365.000		15.015.000	
...
HD269	23/01/2015	Cung cấp máy và pin bộ đàm	511	6.400.000		58.640.000	
HD269	23/01/2015	Thuế GTGT đầu ra	333	640.000		59.280.000	
...
HD331	03/04/2015	Cung cấp gỗ xẻ nan cty IHI	511	7.900.000		351.250.000	
		Thuế GTGT đầu ra	333	790.000		352.040.000	
...
HD341	28/04/2015	Cung cấp đá mài	511	18.150.000		494.680.000	
		Thuế GTGT đầu ra	333	1.815.000		496.495.000	
...
		Cộng phát sinh năm		1.719.729.450	1.673.905.100		
		Số dư cuối kỳ				45.824.350	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6: Bảng tổng hợp thanh toán người mua người bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI HOÀNG MINH

Bảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán

Tài khoản: 131

Năm 2015

Đơn vị : đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty TNHH SX lốp xe Bridgestone VN	-		553.050.000	465.550.000	87.500.000	
...
4	Cty cổ phần xây lắp Hải Long	-		13.860.000	13.860.000	-	
...
6	Cty TNHH IHI Infracstructure ASIA	-		1.719.729.450	1.673.905.100	45.824.350	
7	Cty TNHH MTV CK chính xác & TM Nhật Nam	2.970.000		6.791.400	9.761.400	-	
...
10	Cty TNHH Panasonic Industrial Devies VN	319.640.000		6.225.874.800	6.308.131.800	237.383.000	
..
	Cộng	1.854.456.519	100.000.000	21.446.988.194	21.647.784.196	1.553.660.194	

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

Công ty kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Theo phương pháp này trị giá hàng xuất kho được xác định như sau:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{đơn giá hàng xuất kho}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ} - \text{Số lượng hàng tồn cuối kỳ}$$

Và:

$$\text{Đơn giá hàng xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế của HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng HH nhập trong kỳ}}$$

- **Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán giá vốn hàng hóa sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán và TK 611

- **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng kê.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác..

- **Sổ sách liên quan:**

- Sổ cái các TK 632, 611...

Ví dụ:Cuối kỳ, căn cứ phiếu xuất và các chứng từ liên quan. Kế toán lập phiếu kế toán số 01 phản ánh giá vốn hàng hóa xuất kho trong 1. Dựa vào phiếu kế toán,kế toán ghi vào sổ sách liên quan theo định khoản sau.

Nợ TK632 : 596.977.019

Có TK611: 596.977.019

Từ bút toán trên kế toán vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.8). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 632, 611(biểu số 2.9).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Biểu số 2.7: Phiếu kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI HOÀNG MINH

Địa chỉ: Số 27 An Thái, Khu 2, P. Bình Hàn, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

Số 01

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Ghi có TK 611			
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 1	632	611	596.977.019
	<i>Tổng</i>			596.977.019

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Sổ Nhật ký chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
11/01/2015	HD3386	11/01/2015	Hạch toán chi phí mua đá mài	611	331	12.000.000
			Thuế GTGT đầu vào	133	331	1.200.000
...
17/01/2015	HD4477	17/01/2015	Hạch toán chi phí mua dầu nhờn	611	331	31.752.000
			Thuế GTGT đầu vào	133	331	3.175.200
...
31/01/2015	PKT01	31/01/2015	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 1	632	611	596.977.019
...
03/02/2015	HD2567	03/02/2015	Hạch toán chi phí mua kính trắng 5mm	611	331	25.000.000
			Thuế GTGT đầu vào	133	331	2.500.000
...
04/05/2015	HD599	04/05/2015	Hạch toán chi phí mua máy cắt sắt	611	331	5.600.000
			Thuế GTGT đầu vào	133	331	560.000
...
			Cộng phát sinh năm			156.963.452.350

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 611

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí mua hàng

Số hiệu: 611

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
HD3386	11/01/2015	Hạch toán chi phí mua đá mài	331	12.000.000	
...
HD4477	17/01/2015	Hạch toán chi phí mua dầu nhớt	331	31.752.000	
...
PKT01	31/01/2015	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 1	632		596.977.019
...
HD2567	03/02/2015	Hạch toán chi phí mua kính trắng 5mm	331	25.000.000	
...
HD599	04/05/2015	Hạch toán chi phí mua máy cắt sắt	331	5.600.000	
...
		Cộng phát sinh năm		9.164.737.899	9.164.737.899
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10: Sổ cái TK 632

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
PKT01	31/01/2015	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 1	611	596.977.019	
PKT02	28/02/2015	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 2	611	472.445.782	
...
PKT05	31/05/2015	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 5	611	1.441.319.843	
PKT06	30/06/2015	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 6	611	1.324.500.805	
...
PKT08	31/08/2015	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 8	611	1.462.439.182	
PKT09	30/09/2015	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 9	611	1.433.533.326	
...
PKT26	31/12/2015	Kết chuyển TK632	911		18.603.981.465
		Cộng phát sinh năm		18.603.981.465	18.603.981.465
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh tại đơn vị là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp như các chi phí về lương nhân viên, chi phí bán hàng, chi phí mua sắm, khấu hao thiết bị văn phòng, chi phí tiếp khách... Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

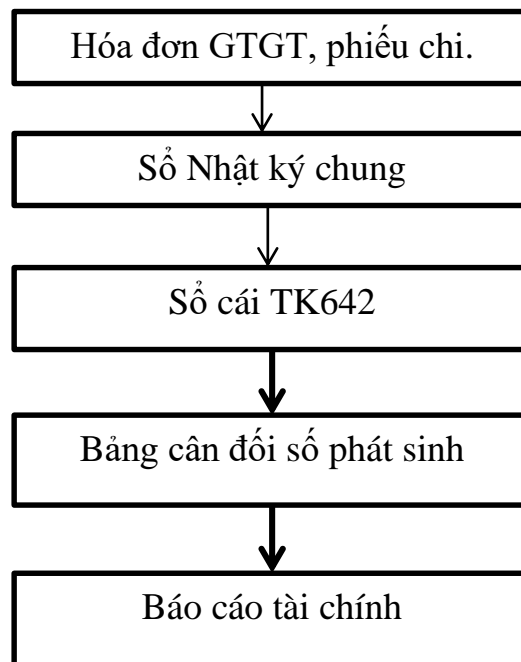
• **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Bảng thanh toán lương.
- Bảng phân bổ tiền lương.
- Hoa đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Chứng từ có liên quan.

• **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh
- Các tài khoản khác có liên quan: TK111, 112...

Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: —————>

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111, 112, 642, 133...

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC.

Ví dụ 1:

Ngày 05/02/2015, công ty thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông tháng 1/2015 bằng tiền mặt, tổng thanh toán là 440.361 đồng (thuế GTGT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (Biểu số 2.11) kế toán lập phiếu chi số 04 (Biểu số 2.12) để thanh toán cho đơn vị bán.

Dựa vào hóa đơn dịch vụ viễn thông và phiếu chi số 04, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.15) theo định khoản:

Nợ TK 642: 400.328

Nợ TK 133: 40.033

Có TK 111: 440.361

Ví dụ 2:

Ngày 22/04/2015 thanh toán cước CPN cho công ty cổ phần CTLINK với số tiền 552.468 VNĐ(đã bao gồm 10% thuế VAT. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000766 và phiếu chi số 15/04 ngày 22/04/2015 về việc thanh toán tiền cước CPN. Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 642 : 502.244

Nợ TK 133 : 50.224

Có TK 111 : 552.468

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.15), căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642(biểu số 2.16) và sổ cái TK 133, TK111.

Cuối kỳ, căn cứ vào các sổ cái tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.11 : Hóa đơn dịch vụ viễn thông.

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Mẫu số: 01GTKT2/001

Ký hiệu (Serial No): AA/15P

Số (No):2186558

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mã số thuế:

0	1	0	6	8	6	9	7	3	8	0	3	8
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Viễn thông Hải Dương

Địa chỉ: Số 1 Đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hải Dương

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh

Địa chỉ (Address): Số 27 An Thái, Lô 2, P. Bình Hàn, TP. Hải Dương, T. Hải Dương

Số điện thoại (Tel): 031.3871836

Mã số (code):

HPG-05-469314(H_AHAI_22-01-0422)

3Hình thức thanh toán (Kind of Payment):

TM/CK

MST:

0	8	0	0	3	7	9	6	9	0			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT (NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng 1/2015				400.328
	a.Cước dịch vụ viễn thông				0
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c.Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d.Khuyến mại				0
	e.Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ				0
(a+b-c-d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					400.328
Thuế suất GTGT (VAT rate):					Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):
(1+2-e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					440.361

Số tiền viết bằng chữ (in words): Bốn trăm bốn mươi ngàn, ba trăm sáu mươi một đồng.....

Ngày 05 tháng 02 năm 2015

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu số 2.12: Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ		Mẫu số: 02 - TT		
THƯƠNG MẠI HOÀNG MINH		(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ/		
Số 27 An Thái, Lô 2, P. Bình Hàn,		BTC		
TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương		Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU CHI		Quyển số: 2		
Ngày 05 tháng 02 năm 2015		Số: PC04		
		Nợ: 642, 133		
		Có: 111		
Họ và tên người nhận tiền: Viễn thông Hải Phòng				
Địa chỉ:				
Lý do nộp: Thanh toán cước dịch vụ viễn thông tháng 01/2015				
Số tiền: 440.361 đồng.....(Viết bằng chữ): <i>Bốn trăm bốn mươi ngàn ba trăm sáu mươi một đồng./.</i>				
Kèm theo:01.....Chứng từ gốc.				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13 : Hóa đơn GTGT.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: GT/13P																
Ngày 22 tháng 04 năm 2015			Số: 0000766																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CTLINK																			
Mã số thuế: 0105619301																			
Địa chỉ: Khối trung lập, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội																			
Điện thoại: 04 62535659																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td></tr></table>						0	8	0	0	3	7	9	6	9	0	-	-	-	-
0	8	0	0	3	7	9	6	9	0	-	-	-	-						
Địa chỉ: Số 27 An Thái, khu 2, P. Bình Hàn, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương																			
Hình thức thanh toán: TM..... Số tài khoản:.....																			
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Cước CPN từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015				502.244														
Cộng tiền hàng					502.244														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		50.244														
Tổng cộng tiền thanh toán					552.468														
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm lăm mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng.																			
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

Biểu số 2.14 : Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ		Mẫu số: 02 - TT		
THƯƠNG MẠI HOÀNG MINH		(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ/		
Số 27 An Thái, Lô 2, P. Bình Hàn,		BTC		
TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương		Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU CHI		Quyển số: 4		
Ngày 22 tháng 04 năm 2015		Số: PC15		
		Nợ: 642, 133		
		Có: 111		
Họ và tên người nhận tiền: Công ty cổ phần CPLINK				
Địa chỉ: Khối Độc Lập, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Thành Phố Hà Nội				
Lý do nộp: Thanh toán cước CPN từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015				
Số tiền: 552.468 đồng.....(Viết bằng chữ): Năm trăm lăm mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng.				
Kèm theo:01.....Chứng từ gốc.				
Ngày 22 tháng 4 năm 2015				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.15 : Sổ Nhật ký chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản Đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
06/01/2015	PC08/01	06/01/2015	Thanh toán chi phí xăng xe	642	111	1.004.545
			Thuế GTGT	133	111	100.455
...
23/01/2015	PC20/01	23/01/2015	Thanh toán tiền điện thoại tháng 1	642	111	461.926
			Thuế GTGT	133	111	46.193
...
05/02/2015	PC04/02	05/02/2015	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông	642	111	400.328
			Thuế GTGT	133	111	40.033
...
22/04/2015	PC15/04	22/04/2015	Thanh toán cước CPN	642	111	502.244
			Thuế GTGT	133	111	50.224
...
			Cộng phát sinh năm			156.963.452.350

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16 : Sổ cái TK 642

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
...
PC08/01	06/01/2015	Thanh toán chi phí xăng xe	111	1.004.545	
...
PC20/01	23/04/2015	Thanh toán tiền điện thoại tháng 1	111	461.926	
...
PC04/02	05/02/2015	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông	111	400.328	
...
PC15/04	22/04/2015	Thanh toán cước CPN	111	502.244	
...
PKT26	31/12/2015	K/C chi phí quản lý kinh doanh	911		1.179.148.771
		Cộng phát sinh năm		1.179.148.771	1.179.148.771
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

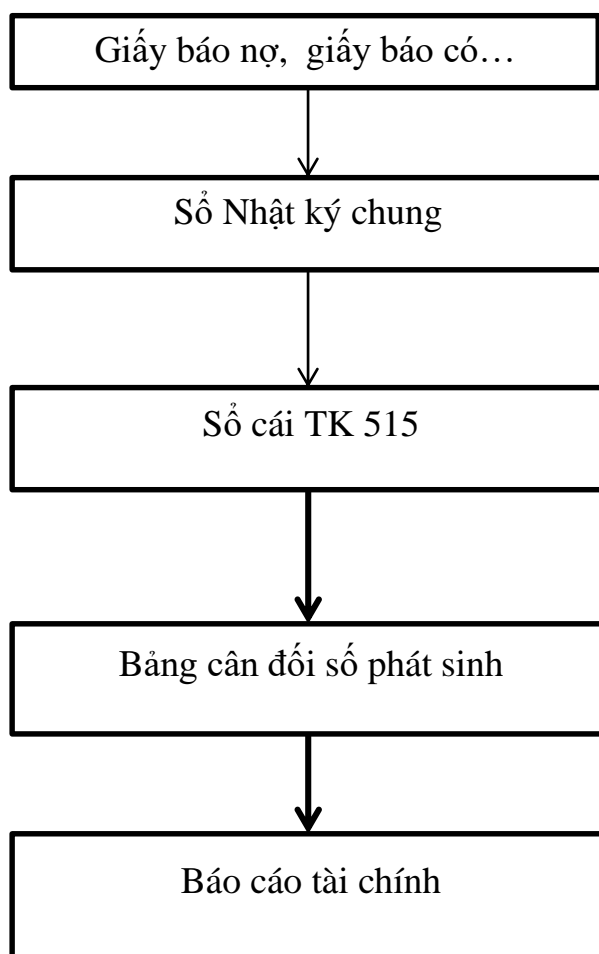
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là khoản tiền gửi ngân hàng.

- **Chứng từ kế toán sử dụng:**
 - Giấy báo có.
 - Phiếu kế toán.
- **Tài khoản sử dụng:**
 - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
 - TK 112: Tiền gửi ngân hàng.
 - Các tài khoản có liên quan khác.

Sơ đồ 2.6 : Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \longrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 515...

Cuối kỳ kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái TK515 và các tài khoản khác có liên quan để lập bảng cân đối phát sinh. Từ bảng tổng hợp cân đối phát sinh, kế toán dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 25/02/2015 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển VN gửi giấy báo có thông báo về việc nhận lãi tiền gửi với số tiền: 45.089 VNĐ.

Căn cứ vào giấy báo có số 121 ngày 25/02/2015 ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển VN về việc nhận lãi tiền gửi và các chứng từ liên quan kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 112: 45.089

Có TK 515: 45.089

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.18). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 515(biểu số 2.19), TK 112. Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái TK 515 để lập bảng cân đối số phát sinh và Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.17 : Giấy báo có

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh: BIDV Hải Dương- Đông Đô	GIẤY BÁO CÓ Ngày: 25/02/2015	Số: 121 Mã GDV: PHUCDTQTO Mã KH: 594256 Số GD: 1211121
Kính gửi: Công ty công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh Mã số thuế:0800379690		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ: 1251-0000-496-671		
Số tiền bằng số: 45.089		
Số tiền bằng chữ: <i>Bốn mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng./</i>		
Nội dung: ##Lãi tiền gửi nhập gốc##		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu số 2.18 : Sổ Nhật ký chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản Đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
23/01/2015	HD269	23/01/2015	Cung cấp máy in, pin bộ đàm	131	511	6.400.000
			Thuế GTGT	131	333	640.000
...
22/02/2015	HD283	22/02/2015	Cung cấp thang nhôm, siết ốc	131	511	17.350.000
			Thuế GTGT	131	333	1.735.000
...
25/02/2015	BIDV121	25/02/2015	Lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112	515	45.089
...
25/03/2015	EXIM0302	25/03/2015	Lãi tiền gửi ngân hàng EXIM	112	515	5.797
...
31/12/2015	PKT25	31/12/2015	Kết chuyển tài khoản 515	515	911	1.340.307
...
			Cộng phát sinh năm			156.963.452.350

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19 : Sổ cái TK 515

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu:515

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
BIDV121	25/02/2015	Lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112		45.089
...
EXIM0302	25/03/2015	Lãi tiền gửi ngân hàng EXIM	112		5.797
...
BIDV256	25/04/2015	Lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112		7.094
...
BIDV411	25/07/2015	Lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112		62.382
...
PKT25	31/12/2014	Kết chuyển tài khoản 515	911	1.340.307	
...
		Cộng phát sinh năm		1.340.307	1.340.307
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán chi phí khác.

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh trong năm 2015 chỉ phát sinh một khoản chi phí khác là khoản bị phạt do vi phạm hợp đồng.

- **Chứng từ kế toán sử dụng.**

- Phiếu chi.
- Các chứng từ liên quan khác.

- **Tài khoản sử dụng:**

TK 811- Chi phí khác

Hàng ngày căn cứ vào các phiếu chi... kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản liên quan như TK811...

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào các số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 29/11/2015 hạch toán chi phí phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền 1.100.000đ.

Kế toán định khoản:

Nợ TK811: 7.578.097

Có TK111: 7.578.097

Từ bút toán trên kế toán căn cứ vào phiếu chi (biểu số 2.20) để vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.21). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK811(biểu số 2.22).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái các tài khoản để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.20 : Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ

Mẫu số: 02 - TT

THƯƠNG MẠI HOÀNG MINH

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ/

Số 27 An Thái, Lô 2, P. Bình Hàn,

BTC

TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số: 11

Ngày 29 tháng 11 năm 2015

Số: PC25

Nợ: 811

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Lưu Đức Quang

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thanh toán chi phí phạt do vi phạm hợp đồng.

Số tiền: 7.578.097 đồng.....(Viết bằng chữ): Bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm chín mươi bảy đồng./

Kèm theo:01.....Chứng từ gốc.

Giám đốc

Kế toán

Thủ quỹ

Người lập

Người nhận

(Ký, đóng

trưởng

(Ký, ghi rõ họ

phiếu

tiền

dấu, ghi rõ

(Ký, ghi rõ họ

tên)

(Ký, ghi rõ

(Ký, ghi rõ

họ tên)

tên)

họ tên)

họ tên)

Biểu số 2.21: Sổ Nhật ký chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản Đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
15/03/2015	HD304	15/03/2015	Cung cấp thuốc hàn cho cty IHI	131	511	38.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	131	333	3.800.000
...
17/01/2015	HD4477	17/01/2015	Hạch toán chi phí mua dầu nhớt	611	331	31.752.000
			Thuế GTGT đầu vào	133	331	3.175.200
...
29/11/2015	PC25/11	29/11/2015	Hạch toán chi phí phạt vì vi phạm hợp đồng	811	111	7.578.097
...
31/12/2015	PKT26	31/12/2015	K/C chi phí khác	911	811	7.578.097
...
			Cộng phát sinh năm			156.963.452.350

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22 : Sổ cái TK 811

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu:811

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
PC25/11	29/11/2015	Hạch toán chi phí phạt vì vi phạm hợp đồng	111	7.578.097	
PKT26	31/12/2015	K/C chi phí khác	911		7.578.097
		Cộng phát sinh năm		7.578.097	7.578.097
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả của doanh nghiệp mình.

- **Chứng từ kế toán sử dụng:** Phiếu kế toán.
- **Tài khoản sử dụng:**
 - Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.
 - Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối...
- **Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.**

Cuối kỳ kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ.

✚ Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$KQKD = KQHĐ \text{ bán hàng, cung cấp dịch vụ} + KQTC + KQHĐ \text{ khác}$

Trong đó:

$KQHĐ \text{ bán hàng, cung cấp dịch vụ} = DTT - \text{Giá vốn} - CPQLKD$

$KQTC = \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí hoạt động tài chính.}$

$KQHĐ \text{ khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác.}$

Kết quả kinh doanh của công ty năm 2015 như sau:

Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán vào các sổ sách liên quan. Tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 như sau:

- | | |
|---|------------------|
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | : 20.081.586.975 |
| - Doanh thu hoạt động tài chính | : 1.340.307 |
| - Giá vốn bán hàng | : 18.603.981.465 |
| - Chi phí quản lý kinh doanh | : 1.179.148.771 |
| - Thu nhập chịu thuế | : 292.218.949 |
| - Thuế TNDN phải nộp (Đã bù lỗ năm trước) | : 10.968.909 |
| - Lợi nhuận sau thuế | : 281.250.040 |

Biểu số 2.23 : Phiếu kế toán

Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 25

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	20.081.586.975
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.340.307
	Tổng			20.082.927.282

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.24 : Phiếu kế toán

Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 26

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Ghi nợ TK 911			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	18.603.981.465
2	Chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.179.148.771
3	K/C chi phí khác	911	811	7.578.097
4	Chi phí thuế TNDN	911	821	10.968.909
5	Lợi nhuận sau thuế	911	421	281.250.040
	Cộng			20.082.927.282

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Sổ Nhật ký chung

**Công ty cổ phần cơ khí thương mại
Hoàng Minh**

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản Đôi ứng		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
31/12/2015	PKT25	31/12/2015	Kết chuyển TK 515	515	911	1.340.307
31/12/2015	PKT25	31/12/2015	Kết chuyển TK 511	511	911	20.081.586.975
31/12/2015	PKT26	31/12/2015	Kết chuyển TK 632	911	632	18.603.981.465
31/12/2015	PKT26	31/12/2015	Kết chuyển TK 642	911	642	1.179.148.771
31/12/2015	PKT26	31/12/2015	Kết chuyển TK811	911	811	7.578.097
31/12/2015	PKT26	31/12/2015	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	10.968.909
31/12/2015	PKT26	31/12/2015	Kết chuyển lãi	911	421	281.250.040
...
			Cộng phát sinh năm			156.963.452.350

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26 : Sổ cái TK 911

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG
MẠI HOÀNG MINH**

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Số tiền nợ	Số tiền có
		Số dư đầu năm			
PKT25	31/12/2015	Kết chuyển TK 515	515		1.340.307
PKT25	31/12/2015	Kết chuyển TK 511	511		20.081.586.975
PKT26	31/12/2015	Kết chuyển TK 632	632	18.603.981.465	
PKT26	31/12/2015	Kết chuyển TK 642	642	1.179.148.771	
PKT26	31/12/2015	Kết chuyển TK811	811	7.578.097	
PKT26	31/12/2015	Kết chuyển thuế TNDN	821	10.968.909	
PKT26	31/12/2015	Kết chuyển lãi	421	281.250.040	
		Cộng phát sinh năm		20.082.927.282	20.082.927.282
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.27 : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI
HOÀNG MINH**

Mẫu số: B-02/DNN
(Ban hàng kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2015**

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	20.081.586.975	8.456.704.998
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	01			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		20.081.586.975	8.456.704.998
4	Giá vốn hàng bán	11		18.603.981.465	7.581.164.232
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.477.605.510	875.540.766
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.340.307	1.642.551
7	Chi phí tài chính	22			
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.179.148.771	836.375.050
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		299.797.046	40.808.267
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32		7.578.097	2.358.800
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(7.578.097)	(2.358.800)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	292.218.949	38.449.467
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		10.968.909	7.689.893
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		281.250.040	30.759.574

**Người lập biểu
(đã ký)**

**Kế toán trưởng
(đã ký)**

**Giám đốc
(đã ký)**

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI HOÀNG MINH

3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được một kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Muốn được như vậy trước hết công ty phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay vì kế toán là bộ máy kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng những phương pháp khoa học kỹ thuật có thể biết được những thông tin chính xác kịp thời và đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành nên tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Về việc lập báo cáo tài chính của kế toán sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như các nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể.

Qua một thời gian thực tập ở Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh với việc nghiên cứu đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh**” em xin đưa ra một số ý kiến sau:

3.1.1. Ưu điểm

▪ **Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:**

- Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng.

▪ **Về tổ chức bộ máy kế toán:**

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty.

- Bộ máy kế toán hợp lý, khoa học, phân công nhiệm vụ rõ ràng; mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát toàn bộ công tác kế toán của công ty.

Đội ngũ kế toán trong công ty là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, nên phản ánh nhanh chóng, kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý.

▪ ***Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính:***

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Về hệ thống tài khoản kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo Quyết định 48/2006/ QĐ – BTC được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.

- Về hình thức sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công tác tính toán, xử lý thông tin, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của lãnh đạo công ty.

- Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

▪ ***Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:***

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.... Công ty cũng thường xuyên cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán, giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, phù hợp.

Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý, giảm chi phí để tăng lợi nhuận của công ty.

Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh còn bộc lộ những hạn chế sau:

❖ Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:

Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả to lớn, tính chính xác và tính kinh tế cao. Hiện nay, công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn, thiếu sót.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán:

- Hệ thống sổ sách của công ty còn thiếu và sơ sài.
- Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 511 nên khó theo dõi được doanh thu của từng mặt hàng bán ra của công ty.
- Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 632 nên khó theo dõi được giá vốn cụ thể của mặt hàng xuất bán.
- Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý CPQLKD chưa hiệu quả.

❖ Về việc xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng:

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Trong đó gồm:

- Hoạt động kinh doanh cơ khí.
- Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Hoạt động sửa chữa, bảo trì.
- Hoạt động khác như: kinh doanh đường ống, kinh doanh vật liệu hỗ trợ cho gia công cơ khí...

Nhưng công ty lại không theo dõi doanh thu, giá vốn cũng như xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động riêng biệt nên việc phân tích số liệu để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời còn gặp nhiều khó khăn.

❖ ***Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:***

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra công ty có nguồn kinh phí hợp lý kịp thời cho những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu những ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh có phát sinh các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng công ty lại chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản này.

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU ĐẾN NGÀY 31/12/2014

STT	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty Hàng Hải	42.140.670			42.140.670	
..
4	Công ty TNHH IHI Infrastructure ASIA	45.824.350	45.524.350			
...
7	Công ty cổ phần cơ khí lắp máy Lilama	126.995.000		126.995.000		
...
15	Công ty cổ phần thương mại Minh Dư	13.965.000				13.965.000
...
	Tổng cộng	1.553.660.517	823.071.017	426.995.000	289.629.500	13.965.000

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nền kinh tế nước ta với chính sách mở cửa đã thu hút được các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước tạo ra động lực thúc đẩy sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế. Khi mà các mối quan hệ hàng hóa tiền tệ ngày càng mở rộng và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp không chỉ sản xuất ra những hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng và chất lượng mà còn phải tiêu thụ được những sản phẩm dịch vụ đó một cách nhanh nhất để thu hồi vốn sớm, tạo vòng quay của vốn nhanh nhất để kích thích bản thân các doanh nghiệp và nền kinh tế. Cùng với sự phát triển này, với sự đổi mới sâu sắc của cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống Kế toán Việt Nam với tư cách là công cụ quản lý Kinh tế- Tài chính đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc quản lý tài chính của doanh nghiệp nói chung và nâng cao hiệu quả quản lý quá trình tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ doanh thu, chi phí, đồng thời tìm ra các biện pháp tốt nhất để giảm chi phí không cần thiết, tránh lãng phí. Một trong những công cụ hữu hiệu để quản lý chi phí đó là kế toán, mà trong đó kế toán tập hợp doanh thu, chi phí luôn được xác định là quan trọng và trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán trong các doanh nghiệp. Vì vậy hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện kế toán của doanh nghiệp.

Cũng như nhiều doanh nghiệp khác, Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện để đứng vững, tồn tại trên thị trường. Đặc biệt là công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng ngày càng được coi trọng.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng về quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư nghị định của Nhà nước. Việc tổ chức công tác kế toán ở mỗi đơn vị cụ thể được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình của từng đơn vị, không dập khuôn máy móc nhưng cũng chỉ được sáng tạo trong chừng mực nhất định.

- Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy theo từng ngành nghề, lĩnh vực quy mô mà doanh nghiệp lựa chọn theo chế độ, quyết định phù hợp với công ty mình. Khi áp dụng phù hợp công tác sẽ trở nên đơn giản và hiệu quả hơn. Hoàn thiện công tác kế toán chính là mục tiêu cuối cùng để giảm bớt sự phức tạp, giảm khối lượng công việc kế toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp đặc biệt là phù hợp với trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong phòng kế toán.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin một cách kịp thời, chính xác góp phần làm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý của từng doanh nghiệp. Đặc biệt là thông tin kế toán nội bộ càng chính xác, kịp thời thì các quyết định quản trị càng khả thi và giúp cho doanh nghiệp nắm bắt được kịp thời sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Thông tin kế toán có được sau khi hoàn thiện phải tốt hơn, chuẩn hơn, đầy đủ hơn so với trước.

- Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi dựa trên nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả. Tiết kiệm là làm sao mà chi phí bỏ ra là thấp nhất mà hiệu quả thu được là cao nhất thì khi đó hoàn thiện thực sự mới có kết quả tốt. Ngược lại để hoàn thiện công tác kế toán mà chi phí bỏ ra quá lớn nhưng trong khi đó lợi ích thu lại được không đủ bù đắp cho chi phí bỏ ra thì không khả thi.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

Hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện công tác hạch toán kế toán của

doanh nghiệp. Việc tính đúng, tính đủ chi phí còn giúp cung cấp kịp thời, chính xác thông tin phục vụ cho các quyết định quản lý. Do đó, công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cần được hoàn thiện để làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Với những hiểu biết còn hạn chế của bản thân, sau đây em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh:

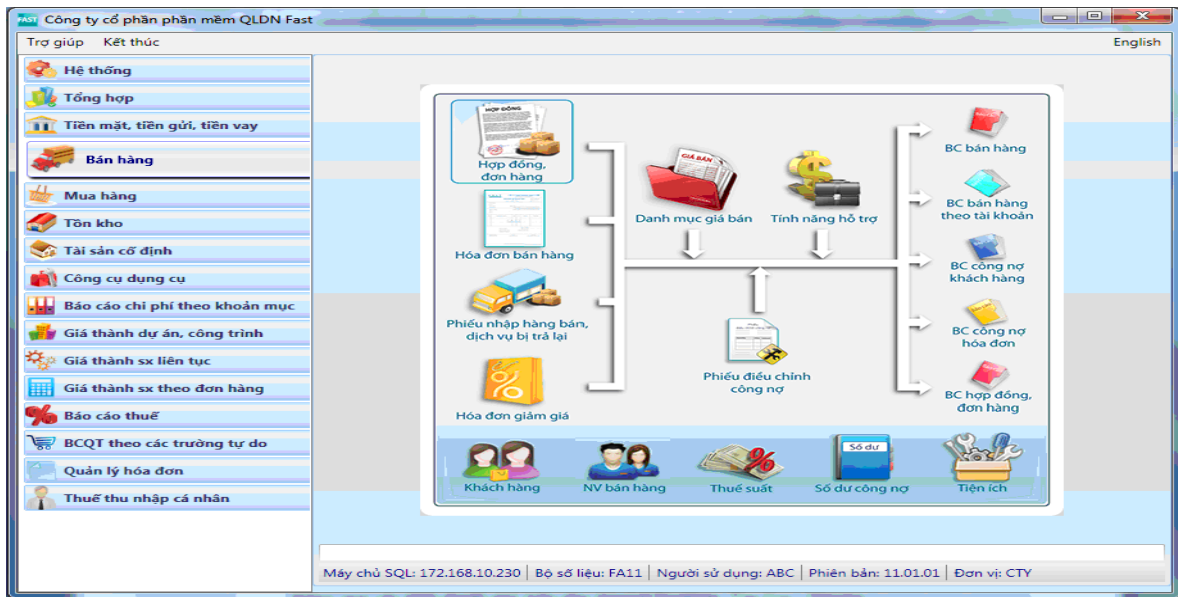
❖ ***Về công tác ghi chép sổ sách:***

Tại Công ty cổ phần thương mại Hoàng Minh, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng cho nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, công ty nên ứng dụng phần mềm vào chi phí quản lý ghi chép sổ sách kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán FAST
- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán VACOM.

▪ Phần mềm kế toán FAST



Hình 3.1: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy

- Thông tin về các gói sản phẩm của FAST: FAST Accounting là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.
- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.
- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: www.fast.com.vn

▪ Phần mềm kế toán MISA



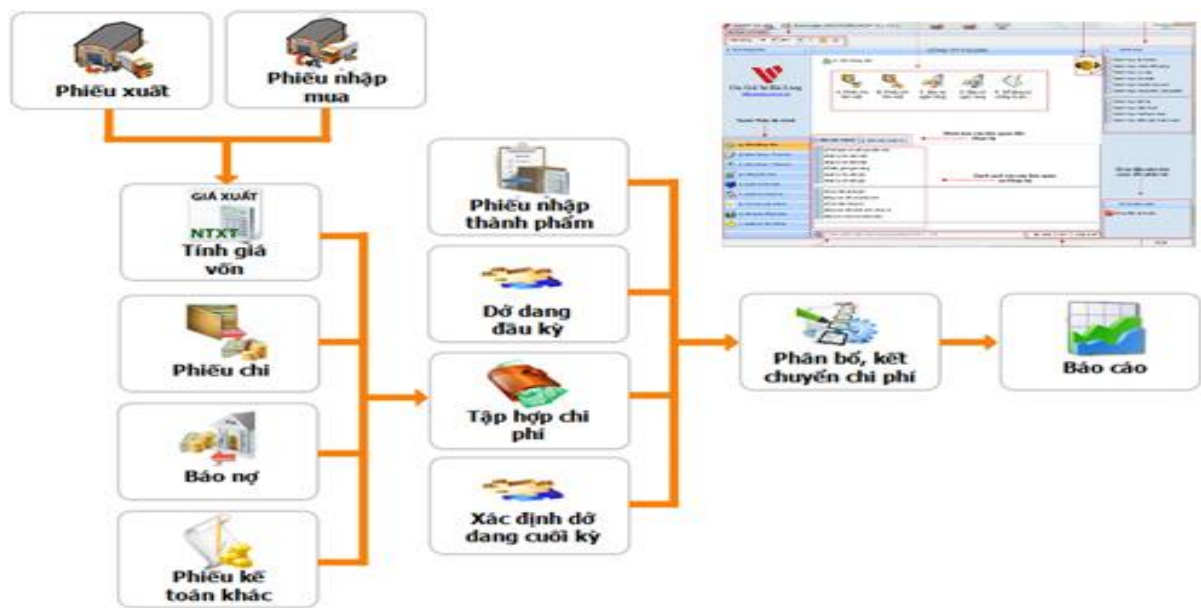
Hình 3.2: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy MISA SME.NET 2015

- Thông tin về các gói sản phẩm của MISA: phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất với các gói sản phẩm như Express, Starter, Standard, Professional, Enterprise.
- Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC).
Liên hệ: www.misa.com.vn.

▪ Phần mềm kế toán VACOM



Hình 3.3: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy VACOM

- Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.
- Website: www.vacom.com.vn

Đánh giá các tính năng của sản phẩm theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp là một trong những bước đi quan trọng nhất nhằm lựa chọn một sản phẩm phần mềm kế toán phù hợp với giá cả hợp lý. Công ty nên tham khảo trước một số phần mềm để đưa ra lựa chọn đúng đắn.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán:

Để phục vụ cho công tác hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh công ty nên:

Mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho các nhà quản trị thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó sẽ giúp các nhà quản lý doanh nghiệp quyết định xem nên mở rộng kinh doanh mặt hàng nào, thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào

Biểu 3.2 : Mẫu sổ chi tiết bán hàng.

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S17-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2016 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):...
Năm:...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.3: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đơn vị :

Mẫu số S18-DNN

Địa chỉ :

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 154,631,632,642,142,242)

- Tài khoản:
- Tên phân xưởng:
- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản..				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
								
			Cộng số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK...						
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

- Căn cứ vào hóa đơn thanh toán cước viễn thông tháng 1/2015, hóa đơn GTGT số 0000766, phiếu chi số 04 tháng 2 và phiếu chi số 15 tháng 4 kế toán ghi vào sổ chi tiết sản xuất kinh doanh cho các loại cước viễn thông mà công ty sử dụng như biểu 3.4.

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI HOÀNG
MINH

Địa chỉ : Số 27 An Thái, Khu 2, P. Bình Hàn, TP. Hải Dương

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tài khoản: 642

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 642									
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra								
						6421				6422				
						64211	64212	...	Cộng	64221	64222	64228	Cộng	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
			Số dư đầu kỳ											
			Số phát sinh trong kỳ											
05/02/2015	PC04/02	05/02/2015	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông	111								400.328	400.328	
...	
22/04/2015	PC15/04	22/04/2015	Thanh toán cước CPN	111								502.244	502.244	

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

❖ **Về việc xác định kết quả doanh của từng mặt hàng.**

Để phục vụ cho công tác quản lý công ty cần xây dựng hệ thống tài khoản theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn cũng như xây dựng hệ thống sổ sách chi tiết tương ứng qua đó giúp công ty xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng mặt hàng của ngành nghề mà công ty kinh doanh. Công ty có thể mở như sau:

- Về doanh thu:
 - TK 51121: Hoạt động kinh doanh cơ khí.
 - TK 51122: Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng.
 - TK 5113: Hoạt động sửa chữa, bảo trì.
 - TK 5118: Hoạt động khác.

Qua đó công ty có thể phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp theo tiêu thức phù hợp để xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng hoạt động (biểu số 3.6).

Biểu số 3.5: Sổ theo dõi kết quả kinh doanh.

Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh.

SỔ THEO DÕI KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2015

Chỉ tiêu	Kinh doanh cơ khí	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Dịch vụ sửa chữa và bảo trì	Hoạt động khác	Cộng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
2. Giá vốn hàng hóa					
3. Chi phí quản lý kinh doanh					
4. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (1-2-3)					

Người ghi sổ
(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

❖ **Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.**

- Dự phòng phải thu khó đòi: Là dự phòng phần giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu khi quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Hiện tại, công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vì vậy trong thời gian tới công ty nên tiến hành trích lập khoản này để đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

- Theo thông tư 228/229/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

a) **Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khách hàng:**

- Khoản nợ gốc có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.
- Các khoản không để căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.
- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:
 - Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế.
 - Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

b) **Phương pháp xác định kế toán dự phòng giảm thu khó đòi.**

- Công ty phải theo dõi riêng và thu hồi các khoản của con nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn phải chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm trở lên.

- **Chứng từ sử dụng:** Chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế và các chứng từ khác.
 - **Tài khoản sử dụng:** TK 159(2)- Dự phòng phải thu khó đòi.

 - **Kết cấu tài khoản 159(2):**
 - Bên nợ:**
 - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi
 - Xử lý các khoản phải thu khó đòi đã lập cuối năm trước.
 - Bên có:**
 - Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý kinh doanh.
 - Số dư bên có: Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối năm.*
 - ✓ **Trình tự hạch toán:**
 - Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu.
 - Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng
 - Có TK 159(2): Số tiền trích lập dự phòng
 - Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập.
 - Cuối kỳ trước số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập:*
 - Nợ TK 159(2): Số tiền hoàn nhập
 - Có TK 642: Số tiền hoàn nhập
 - Còn nếu nhỏ hơn thì số chênh lệch lớn hơn sẽ phải trích lập thêm:*
 - Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm
 - Có TK 159(2): Số tiền trích lập thêm
 - Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:
 - Nợ TK 159(2): (nếu đã lập dự phòng)
 - Nợ TK 642 (nếu chưa lập dự phòng)
 - Có TK 131,138
 - Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được:
 - Nợ TK 111, 112... : Số tiền thực tế đã thu hồi được
 - Có TK 711 : Số tiền thực tế đã thu hồi được
- Ví dụ: Ngày 31/12/2015, kế toán tiến hành lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tình hình công nợ(biểu số 3.1) như sau:

- Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không đòi được xử lý như sau: Số nợ khó đòi không thể thu hồi năm 2015: 13.965.000 đồng. Công ty tiến hành xóa sổ. Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 13.965.000

Có TK 131: 13.965.000

- Đối với các công ty khác phát sinh nợ quá hạn theo quy định tính được mức cần trích lập dự phòng là: 102.140.670 đồng. Kế toán ghi như sau:

Nợ TK 642: 102.140.670

Có TK 159(2): 102.140.670

- Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và các sổ sách có liên quan.

KẾT LUẬN

Trong kinh doanh, với bất kỳ doanh nghiệp nào thì tiêu thụ luôn là khâu quan trọng quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp. Nhà quản lý cần nắm bắt được những thông tin cần thiết của quá trình tiêu thụ và điều mà họ quan tâm nhất chính là kết quả cuối cùng – chỉ tiêu lợi nhuận. Do đó công tác hạch toán kế toán ở khâu tiêu thụ có vai trò rất quan trọng, cung cấp thông tin để doanh nghiệp đưa ra những hướng đi tiếp theo. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ một nhiệm vụ rất quan trọng.

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh, em đã mạnh dạn chọn đề tài “ ***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh***” để làm đề tài khóa luận. Trong cuốn khóa luận này em đã vận dụng những kiến thức được học tại trường để hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh. Từ đó mạnh dạn đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế còn chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự cảm thông và góp ý kiến đánh giá của các thầy cô.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn *Th.S Nguyễn Văn Thụ* và toàn thể cán bộ nhân viên phòng kế toán của Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Sinh viên

Đỗ Hồng Quân